

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1.1. Các khái niệm nền tảng liên quan đến đề tài nghiên cứu

1.1.1 Khái niệm

“Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng” (Nguồn: *Thư viện pháp luật*).

1.1.2 Đối tượng áp dụng thuế GTGT

+ Được phân thành 3 nhóm đối tượng chính:

- Đối tượng chịu thuế GTGT.
- Đối tượng chịu không thuế GTGT.
- Đối tượng không phải tính, khai, nộp thuế GTGT.

1.1.3 Vai trò kế toán thuế GTGT

Thuế GTGT là nguồn thu quan trọng của Ngân sách nhà nước, là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế - xã hội. Góp phần điều hòa thu nhập, thực hiện công bằng xã hội; khuyến khích xuất khẩu hàng hóa dịch vụ; thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán, sử dụng hóa đơn.

1.2. Luật, nghị định, thông tư, chuẩn mực

1.2.1 Luật, nghị định, thông tư về thuế GTGT

1.2.1.1 Luật:

Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 của Quốc hội bắt đầu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009 quy định về thuế giá trị gia tăng:

“Đối tượng chịu thuế: hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

Đối tượng không chịu thuế: là các sản phẩm nông nghiệp đến từ việc trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt và các sản phẩm này chưa được chế biến hoặc sơ.

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế GTGT.

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp.

Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả hàng hoá, dịch vụ bị tổn thất không được bồi thường.

Hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế.

Trường hợp thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ toàn bộ.

Hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

Có hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu.

Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng.

Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện nêu trên còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hoá, cung ứng dịch vụ; hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu.

Các trường hợp hoàn thuế quy định như sau:

Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế nếu trong ba tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế

GTGT đầu vào từ hai trăm triệu đồng trở lên và chưa được khấu trừ thì được hoàn thuế.

Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ hai trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng.

Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế GTGT của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.” (Nguồn: Thư viện pháp luật)

Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT (bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2014) quy định về thuế GTGT:

“Mở rộng phạm vi chịu thuế GTGT tại các khoản 4, 7, 8, 11, 15, 17, 23 và 25 Điều 5 được quy định tại điều 1 của Luật này.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8; bổ sung điểm q vào khoản 2 Điều 8 về mức thuế suất 0%, 5% và điều kiện khấu trừ.

Các trường hợp hoàn thuế được sửa đổi, bổ sung như sau:

Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Trường hợp cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT đầu vào từ ba trăm triệu đồng trở lên và chưa được khấu trừ thì được hoàn thuế.

Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế theo tháng, quý.

Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải

thê, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.” (Nguồn: Thư viện pháp luật)

Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế (bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/07/2016) quy định như sau:

“Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số 31/2013/QH1 về các Khoản 1, 9 và 23 Điều 5; điểm g Khoản 1 Điều 8; khoản 1 và Khoản 2 Điều 13.” (Nguồn: Cổng thông tin điện tử Chính phủ)

1.2.1.2 Nghị định:

Nghị định số 209/2013/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng như sau:

“Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng:

Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản.

Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng.

Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng:

Đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Nơi nộp thuế:

Người nộp thuế kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi sản xuất, kinh doanh.

Người nộp thuế kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì phải nộp thuế GTGT tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất và địa phương nơi đóng trụ sở chính.” (Nguồn: Luật Việt Nam)

Nghị định 72/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/6/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội:

“Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng xuống còn 8% được áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất; sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.” (Nguồn: Báo chính phủ)

Nghị định 64/2024/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2024 ban hành ngày 17/6/2024 như sau:

“Gia hạn thời hạn nộp Thuế GTGT (ngoại trừ Thuế GTGT khâu nhập khẩu):

Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 5/2024: chậm nhất là ngày 20/11/2024.

Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 6, 7, 8, 9/2024: chậm nhất là ngày 20/12/2024.

Thời hạn nộp thuế GTGT quý 2, quý 3 năm 2024: chậm nhất là ngày 31/12/2024.

Gia hạn thời hạn thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2024: chậm nhất là ngày 30/12/2024.” (Nguồn: Nghị định 64/2024/NĐ-CP của Chính phủ)

1.2.1.3 Thông tư

Thông tư 219/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2013, hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP về:

Đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng, thời điểm xác định thuế.

Thông tư 13/2023/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28/02/2023 quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2013/TT-BTC như sau:

“Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 7 như sau: đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.

Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 7 như sau: giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.

Thay thế khoản 2, khoản 3 Điều 18 bằng khoản 2 mới như sau: cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.”

(Nguồn: Thư viện pháp luật)

1.2.2 Luật, nghị định, thông tư về hóa đơn

1.2.2.1 Luật

Luật kế toán số 88/2015/QH13 của Quốc Hội được ban hành ngày 20/11/2015, quy định về hóa đơn:

“Hóa đơn là chứng từ kế toán do tổ chức, cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hoá đơn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.” (Nguồn: Thư viện pháp luật)

1.2.2.2 Nghị định

Nghị định 123/2020/NĐ-CP do Chính phủ được ban hành ngày 19/10/2020, quy định về hóa đơn, chứng từ:

“Quy định chi tiết về việc quản lý và sử dụng hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ.

Thời điểm lập hóa đơn:

Đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán tài sản nhà nước, tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền.

Đối với một số trường hợp cụ thể: cung cấp dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ bảo hiểm qua đại lý; thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng; bán điện của các công ty sản xuất điện; hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi,...

Nội dung hóa đơn: Hóa đơn phải bao gồm các thông tin cơ bản như số hóa đơn, tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán và người mua, mô tả hàng hóa/dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế suất và số tiền thuế giá trị gia tăng (VAT).

Chữ ký điện tử và chữ ký số: Đối với hóa đơn điện tử, cần có chữ ký số của người bán và chữ ký điện tử của người mua.

Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML.

Lập hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế; xử lý hóa đơn có sai sót; xử lý sự cố đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế.” (Nguồn: Luật Việt Nam)

Nghị định 125/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19-10-2020, trong đó quy định xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn:

“Đối tượng bị xử phạt là: người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân liên quan vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Xử phạt đối với các hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

Hình thức xử phạt chính: Cảnh cáo: phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và thuộc trường hợp áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo theo quy định tại Nghị định này.

Phạt tiền: phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn.

Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm.

Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn:

Các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Người nộp thuế chậm thực hiện thủ tục thuế, hóa đơn bằng phương thức điện tử do sự cố kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin được thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.” (Nguồn: Thư viện pháp luật)

1.2.2.3 Thông tư

Thông tư 78/2021/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 17-09-2021, quy định về hóa đơn:

“Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế (Bên bán) được quyền ủy nhiệm cho bên thứ 3 lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ.

Nội dung hóa đơn ủy nhiệm: tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm, tên, địa chỉ và mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm phải đúng với thực tế phát sinh

Giải thích ký hiệu và ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử.

Thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ ngân hàng:

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, ngày lập hóa đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng, ngày chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ.

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng phát sinh thường xuyên với số lượng lớn, cần có thời gian đối soát dữ liệu giữa ngân hàng và các bên thứ ba có liên quan, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên, chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

Quy định về hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

Quy định về đối tượng nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã, khi có nhu cầu chuyển sang hóa đơn điện tử có mã thì phải thực hiện thay đổi thông tin theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.” (Nguồn: *Thư viện pháp luật*)

1.2.3 Luật, thông tư, chuẩn mực về kế toán thuế GTGT

1.2.3.1 Luật

Luật kế toán số 88/2015/QH13 của Quốc Hội được ban hành ngày 20/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó thuế GTGT được quy định như sau:

“Luật Kế toán quy định về chế độ kế toán đối với thuế GTGT, bao gồm việc thực hiện hạch toán, lập báo cáo tài chính, quản lý và kiểm tra về GTGT.

Luật Kế toán quy định rõ nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân phải thực hiện kế toán và báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn về các khoản thuế GTGT theo quy định.

Luật Kế toán cũng quy định về vai trò và chức năng của cơ quan quản lý thuế trong việc hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT của các tổ chức, cá nhân.

Ngoài việc quy định chung về GTGT, Luật Kế toán còn có các quy định về việc áp dụng, thu, nộp, quản lý và kiểm tra thuế GTGT.” (Nguồn: *Luật kế toán số 88/2015/QH13 của Quốc Hội*)

1.2.3.2 Thông tư:

Thông tư số 133/TT-BTC về “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa”, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 26/08/2016, ngày hiệu lực 01/01/2017, quy định về thuế GTGT như sau:

“Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ:

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ của doanh nghiệp.

Kế toán phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. Trường hợp không thể hạch toán riêng được 15 thì số thuế GTGT đầu vào được hạch toán vào Tài khoản 133. Cuối kỳ, kế toán phải xác định số thuế GTGT được khấu trừ và không được khấu trừ theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá trị tài sản được mua, giá vốn của hàng bán hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Việc xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kê khai, quyết toán, nộp thuế phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về thuế GTGT.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ:

Bên Nợ: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ;
- Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ;
- Thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được chiết khấu, giảm giá;
- Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại.
- Số dư bên Nợ: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.

Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 1331 - Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

Tài khoản 1332 - Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định, bất động sản đầu tư dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Doanh nghiệp chủ động tính, xác định và kê khai số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp cho Nhà nước theo luật định; Kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp, đã nộp, được khấu trừ, được hoàn...

Các khoản thuế gián thu như thuế GTGT (kể cả theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế gián thu khác về bản chất là khoản thu hộ bên thứ ba. Vì vậy các khoản thuế gián thu được loại trừ ra khỏi số liệu về doanh thu gộp trên Báo cáo tài chính hoặc các báo cáo khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác đã nộp vào Ngân sách Nhà nước
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

TK 333 có thể có số dư bên Nợ: Số dư bên Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước,

hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn, giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, số thuế GTGT đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tài khoản 3331 có 2 tài khoản cấp 3:

Tài khoản 33311 - Thuế giá trị gia tăng đầu ra: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Tài khoản 33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.” (Nguồn: *Thư viện pháp luật*)

1.2.3.3 Chuẩn mực:

Chuẩn mực kế toán số 01: chuẩn mực chung được ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2002 quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và yêu cầu kế toán cơ bản, các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của báo cáo tài chính của doanh nghiệp như sau:

“Làm cơ sở xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán cụ thể theo khuôn mẫu thống nhất;

Giúp cho doanh nghiệp ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán đã ban hành một cách thống nhất và xử lý các vấn đề chưa được quy định cụ thể nhằm đảm bảo cho các thông tin trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý;

Giúp cho kiểm toán viên và người kiểm tra kế toán đưa ra ý kiến về sự phù hợp của báo cáo tài chính với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;


Giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính hiểu và đánh giá thông tin tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.” (Nguồn: *Thư viện pháp luật*)

CHƯƠNG 2

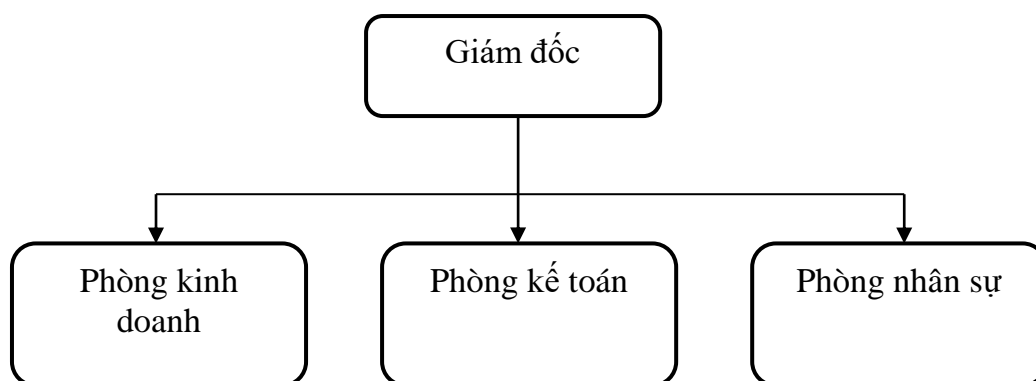
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY

2.1. Giới thiệu về công ty

2.1.1. Thông tin về Công ty Cổ phần Bigbuy

Logo	
Tên giao dịch tiếng Anh	BIGBUY JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
Địa chỉ	179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế	0310299559
Người đại diện pháp luật	NGUYỄN THANH TÂM
Ngày thành lập	04/09/2010
Vốn điều lệ	4.990.000.000
Số điện thoại	02862518668
Website	www.bigbuy.vn
Email	info@bigbuy.vn
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tính tiền điện tử - Thiết bị mã vạch (máy in, mực in, đầu đọc, máy in mã vạch) - Máy chấm công - Giấy đề can, decal, giấy in nhãn (dạng cuộn, tờ..)

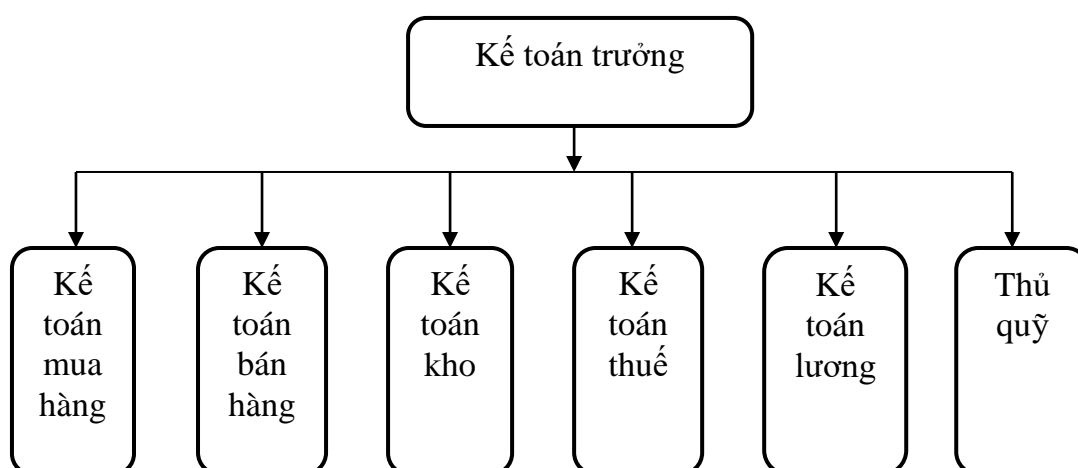
2.1.2. Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức công ty (Nguồn: Công ty Cổ phần BIGBUY)

2.2. Tổ chức hệ thống kế toán

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy phòng Kế toán (Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.2. Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

+ Kế toán trưởng: Nguyễn Ngọc Toàn

Là người đứng đầu phòng ban kế toán trong doanh nghiệp chịu trách nhiệm bao quát toàn bộ tình hình, kiểm soát quá trình của công ty là người chỉ đạo và quản lý trực tiếp các công việc của phòng kế toán. Ngoài ra, kế toán trưởng là người lên toàn bộ kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, xây dựng đội ngũ nhân viên kế toán trong doanh nghiệp; là người thường xuyên thông báo, cập nhật các tình hình mới về luật do Nhà nước ban hành đến các bộ phận kế toán trong doanh nghiệp để kịp thời thay đổi và áp dụng. Thông báo và làm việc trực tiếp với Giám đốc về mọi hoạt động của công ty.

+ Kế toán bán hàng: Nguyễn Thị Hằng

Để quá trình bán hàng của công ty diễn ra một cách thuận lợi và nhanh chóng, mỗi doanh nghiệp không thể thiếu bộ phận kế toán bán hàng. Kế toán bán hàng là người phải thường xuyên cập nhật, ghi chép phản ánh kịp thời các nghiệp vụ bán hàng xảy ra trong ngày. Tính toán cẩn thận về giá vốn của hàng đã bán, chi phí bán hàng và các chi phí khác từng hóa đơn bán hàng hay từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc. Chịu trách nhiệm quan trọng việc cập nhật giá bán thường xuyên, số lượng sản phẩm vào phần mềm kế toán.

Cung cấp, tập hợp đầy đủ và chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và kết chuyển chi phí bán hàng cho hàng tiêu thụ, làm căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, hỗ trợ trong việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

+Kế toán mua hàng: Nguyễn Thanh Tùng

Giống như kế toán bán hàng, kế toán mua hàng là bộ phận không thể thiếu trong phòng ban kế toán doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm theo dõi, ghi chép phản ứng kịp thời, chính xác chỉ tiêu mua hàng về số lượng và chủng loại từng mặt hàng, thời điểm mua hàng để đảm bảo các mặt hàng của công ty luôn đủ và đúng sản phẩm.

Giám sát việc mua hàng theo từng nguồn hàng, từng nhà cung cấp, từng đơn đặt hàng với người bán và tình hình thanh toán với nhà cung cấp. Bên cạnh đó, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về số lượng các mặt hàng cho doanh nghiệp để xác định mức dự trữ hợp lý về hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kinh doanh.

+Kế toán kho: Nguyễn Thị Tâm

Để đánh giá được tình hình kinh doanh nói chung và của từng mặt hàng trong doanh nghiệp nói riêng, kế toán kho là bộ phận không thể thiếu. Công việc của kế toán kho là thực hiện kiểm soát, theo dõi và xác nhận số lượng hàng giao và nhận thông qua hóa đơn. Là bộ phận chịu trách nhiệm xử lý tất cả các trường hợp thiếu hụt, dư thừa về nguyên vật liệu, hàng hóa có mặt tại kho trong phạm vi quyền hạn hoặc báo cáo lên cấp trên để giải quyết kịp thời.

Bên cạnh đó, thường xuyên cập nhật tình hình số lượng các loại hàng hóa trong kho, lên kế hoạch xuất-nhập hàng hóa trình Kế toán trưởng xem xét và phê duyệt. Lập chứng từ xuất kho và nhập kho trong quá trình nhập, xuất hàng hóa, hóa đơn; đồng thời phải lưu trữ lại để cung cấp việc đối chứng sau này. Nếu phát hiện có sự chênh lệch giữa số liệu hàng hóa thực tế với số liệu sổ sách, kế toán kho phải lập

biên bản kiểm kê, biên bản đề xuất xử lý trình lên cấp trên để được giải quyết, trong trường hợp số liệu sổ sách ghi sai kế toán kho phải điều chỉnh số liệu cho khớp với số liệu thực tế.

+Kế toán thuế: Lê Thị Thanh Dung

Trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp là phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Để đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, kế toán thuế sẽ là bộ phận đảm nhận vai trò này trong doanh nghiệp. Nhiệm vụ của kế toán thuế bao gồm thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến căn cứ tính thuế, báo cáo thuế và nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước. Chịu trách nhiệm lập tờ khai thuế môn bài và nộp thuế môn bài cho Cơ quan thuế. Hàng ngày, kế toán thuế tập hợp hóa đơn, chứng từ phát sinh để theo dõi, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ hóa đơn. Vào cuối mỗi quý kế toán thuế làm báo cáo thuế tháng của quý đó, báo cáo quý cho thuế GTGT, thuế TNCN, thuế TNDN và báo cáo sử dụng hóa đơn.

Vào cuối năm, vai trò của kế toán thuế trở nên cực kỳ quan trọng, đòi hỏi sự tỉ mỉ cũng như sự chính xác cao. Công việc của kế toán thuế vào thời điểm này là kiểm tra lại số liệu tài chính, đánh giá và tính toán chính xác các khoản về thuế, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế cho tháng cuối năm, báo cáo thuế TNDN quý IV và báo cáo quyết toán thuế TNCN. Đồng thời, lên tờ khai thuế GTGT và nộp cho cơ quan thuế đúng thời hạn tuân thủ đúng quy định mà Nhà nước đề ra.

+Kế toán lương: Phùng Đức Mạnh

Kế toán tiền lương là bộ phận quan trọng, mang tính quyết định lợi ích của người lao động làm việc tại doanh nghiệp. Nhiệm vụ của kế toán lương là ghi chép, tính toán và xử lý khoản tiền mà mỗi nhân viên sẽ được nhận theo các chế độ lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác, đảm bảo các khoản thu nhập được tính toán chính xác và đầy đủ, các khoản khấu trừ như thuế TNCN, BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Nhà nước.

Chịu trách nhiệm xây dựng bảng lương để tính lương và nộp cho cơ quan bảo hiểm. Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng về các khoản tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh. Lưu trữ các dữ liệu kế toán, sổ sách chứng từ có liên quan theo quy định của pháp luật.

+Thủ quỹ: Huỳnh Thị Lợi

Để quản lý và điều phối các hoạt động tài chính, ngân sách của doanh nghiệp; đảm bảo nguồn tiền của doanh nghiệp được chi tiêu hợp lý và ổn định. Thủ quỹ là bộ phận không thể thiếu ở mỗi doanh nghiệp. Thủ quỹ kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi tiền phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh; kiểm tra, kiểm soát và quản lý các chứng từ trước khi thu, chi tiền.

Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền. Đồng thời, điều tiết cân đối giữa việc thu và chi sao cho hợp lý tránh trường hợp bội chi, tránh trường hợp phạm pháp như hành vi rửa tiền. Hạch toán chính xác, đầy đủ các nghiệp vụ của quỹ tiền mặt, kết hợp với việc làm báo cáo chính xác. Là bộ phận trực tiếp thực hiện các báo cáo định kỳ về quỹ tiền của công ty và trình lên cấp trên.

2.2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán

+ Đặc điểm:

- Chế độ kế toán: doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư 133/TT-BTC về “Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa”.
- Hình thức kế toán: kế toán máy, sổ nhật ký chung.
- Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Excel kết hợp với phần mềm kế toán BBOS.

+ Chính sách kế toán:

- Niên độ kế toán: chu kỳ kế toán 12 tháng (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12).
- Đơn vị tiền tệ: VNĐ.
- Phương pháp tính thuế GTGT: áp dụng theo phương pháp khấu trừ.
- Đánh giá hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp ghi nhận doanh thu: tuân thủ điều kiện ghi nhận doanh thu.
- Nguyên tắc kế toán chi phí: phù hợp với Doanh thu, ghi nhận đầy đủ chi phí quản lý và bán hàng.
- Hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.3 Công việc kế toán thuế GTGT

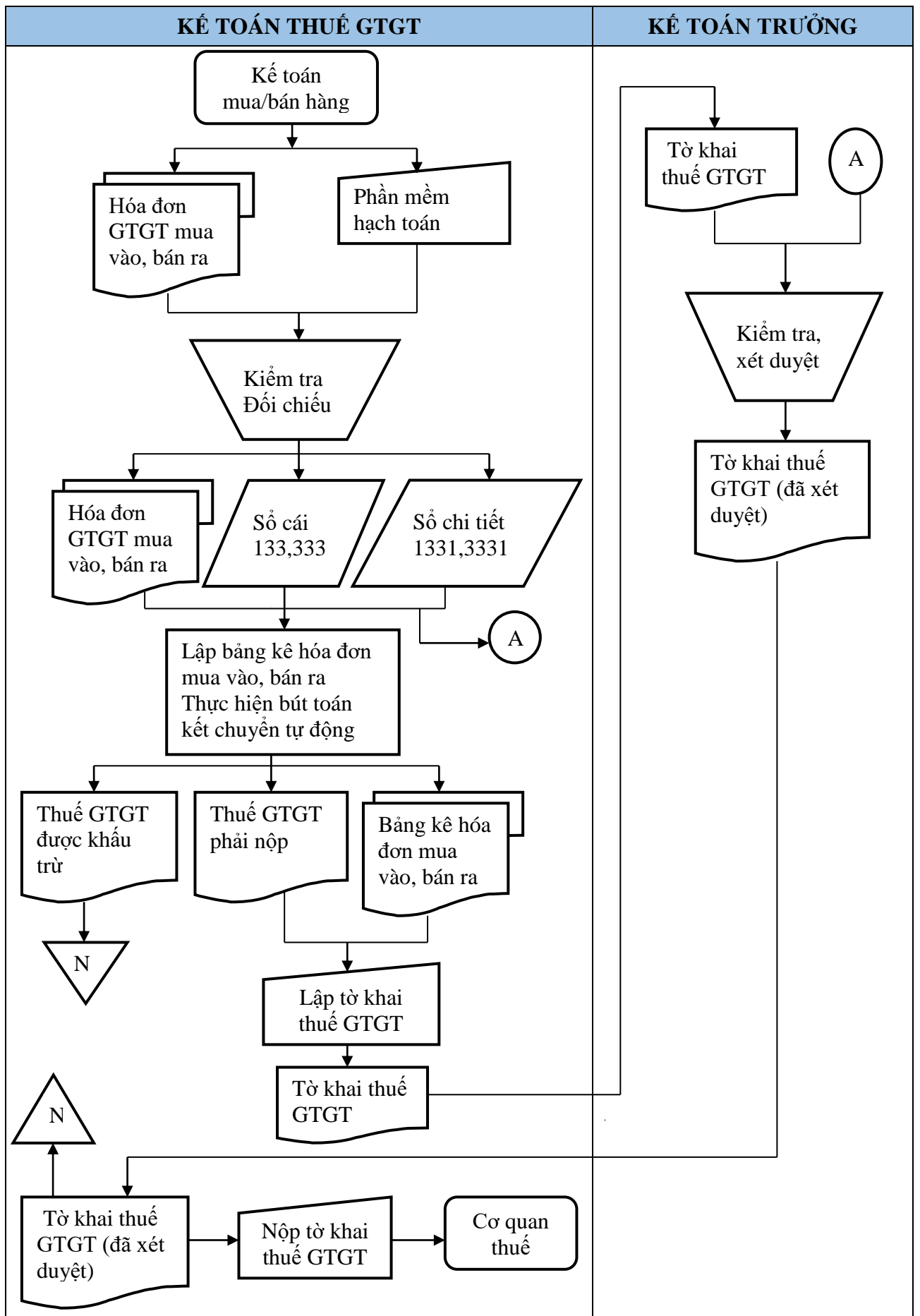
Công việc hàng ngày của kế toán thuế GTGT là thu thập và lưu trữ hóa đơn đầu ra, đầu vào. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của hóa đơn về các thông tin sau đó hạch toán vào phần mềm, xử lý các hóa đơn GTGT viết sai đối chiếu với nghiệp vụ

kinh tế phát sinh. Đồng thời, cập nhật các Thông tư, Nghị định và các Văn bản Pháp luật mới nhất về Thuế.

Đối với công việc hàng quý, kế toán thuế GTGT lập tờ khai thuế GTGT, nộp cho cơ quan thuế đúng thời hạn đã quy định để tránh ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cuối năm, lập báo cáo tài chính của năm và trình lên Ban Giám đốc. Chịu trách nhiệm giải trình mọi thắc mắc về số liệu với cơ quan Thuế (nếu có yêu cầu).

2.3.1. Mô tả về công việc kế toán

+ Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc kế toán thuế GTGT



Lưu đồ 2.1: Quy trình công việc của kế toán thuế GTGT (Nguồn: Tác giả)

+ Diễn giải:

Bước 1: Kế toán thuế GTGT căn cứ vào HĐ GTGT mua vào/bán ra và phần mềm hạch toán từ kế toán mua/bán hàng, tiến hành kiểm tra và đối chiếu.

Bước 2: Kế toán thuế GTGT lập bảng kê HĐ mua vào, bán ra; thực hiện bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm; tính ra số thuế GTGT được khấu trừ hoặc số thuế GTGT phải nộp trong kỳ; kết xuất bảng kê hóa đơn mua vào/bán ra.

Bước 3: Kế toán thuế GTGT căn cứ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ và bảng kê HĐ mua vào/bán ra lập tờ khai thuế GTGT; gửi tờ khai thuế GTGT, HĐ GTGT mua vào/bán ra cho kế toán trưởng.

Bước 4: Kế toán trưởng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT nhận được từ Kế toán thuế GTGT tiến hành kiểm tra – đối chiếu, xét duyệt; gửi tờ khai thuế GTGT (đã xét duyệt) cho kế toán thuế GTGT.

Bước 5: Kế toán thuế GTGT căn.cứ vào tờ khai thuế GTGT (đã xét duyệt) tiến hành nộp cho Cơ quan thuế.

Bước 6: Kế toán thuế lưu tờ khai thuế GTGT, chứng từ trong ổ đĩa của công ty.

2.3.2. Thực hiện kê khai thuế GTGT

Thực hiện kê khai thuế GTGT quý 4 năm 2023 gồm 6 bước:

Bước 1: Sau khi nhận HĐ, kế toán thuế GTGT đối chiếu HĐ GTGT với nghiệp vụ đã được kế toán mua/bán hàng đã hạch toán trên phần mềm nhằm kiểm tra tiền thuế GTGT trên phần mềm đã đúng với số tiền thuế trên HĐ GTGT chưa.

HĐ hàng (*)	Tên hàng hóa	Đvt (*)	Đơn vị (*)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%OK	Tỷ lệ OK	%VAT	Tiền VAT	Tổng số thành toán	Ngày sử dụng tích
1	HEHCASPER_SC12F533	hộp	hộp	3,00	4.999.000,00	4.999.000,00	0,00	0,00	11,00	499.900,00	5.400.000,00	31/12/2023

Hình 2.1: Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT 50295 (Nguồn: Phòng kế toán)



DIENMAYGIAKHANG.VN

CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY GIA KHANG

Mã số thuế (Tax code): 0312460468

Địa chỉ (Address): 26 Đường Số 4 (kêc Lê Thành), Khu Phố 3, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 1900 7049 Website: www.dienmaygiakhang.vn

Tài khoản (A/C number): 060073899586 Ngân hàng Sacombank - PGD Phú Lâm, TP.HCM
167366789 Ngân hàng ACB - PGD Minh Phụng, TP.HCM



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1C23TYY

Số (No.): **50295**

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY**

Mã số thuế (Tax code): **0310299559**

Địa chỉ (Address): **179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (Payment method): **Tiền mặt/Chuyển khoản** Số tài khoản (A/C No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Máy điều hòa treo tường Casper SC-12FS33	BỘ	1	4.909.090,91	4.909.091
Cộng tiền hàng (Sub total):					4.909.091
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	490.909
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.400.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu bốn trăm nghìn đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH ĐIỆN MÁY GIA KHANG

Ký ngày: 31-10-2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): **003A0D669G3EF4428A94B09822D4CB5599**

Trang tra cứu : <http://0312460468hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu : v6m3P8W3043516511367464

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ và thương mại SOFTDREAMS, MST: 0105987432, [Http://easyinvoice.vn/](http://easyinvoice.vn/)

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 50295 (Nguồn: Phòng kế toán)

Phiếu xuất - Bán HỒ - EBOS SYSTEM EBOS_2013_ANC.ODA\GROUPS\1710111

EBOS

Xuất tờ khai số tài khoản: DS Phiếu Nhập - Mua DS Phiếu xuất kho - Bán **Phiếu xuất - Bán HỒ**

Ấn phiếu (Alt+F) Tạo mới (Alt+N) Ghi số (Alt+G) Tồn kho (Alt+T)

Số chứng từ (*) XBHO/2012/18429 Ngày chứng từ (*) 27/12/2023 Trung tâm Mã ghi số

Lý do xuất Xuất bán hàng hóa

Xuất tại kho (*) KHO-CTY Phương thức thanh toán Phạt hình (*) OFFICE

Hồ khách hàng (*) 1110390507 MST 1110390507 Tên xuất hóa đơn CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARON

Địa chỉ xuất hóa đơn

Số series hóa đơn 1C23TBB Số hóa đơn 1134 Ngày hóa đơn 27/Thg12/2023

JobNo Loại hóa đơn 4 Diễn giải hóa đơn Xuất bán hàng hóa

Mã hàng (*)	Tên hàng hóa	Đơn vị	Đvt (*)	Kho (*)	Tồn kho hiện tại	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%CK	Tiền cđ	%VAT	Tiền vat	Tổng tiền thanh toán	Số 90
POS_V2T59302+16GB	Máy Pos V2 - T5930 (2+16GB)	Cái	KHO-CTY		194	20,00	3.200.000,00	64.000.000,00	0,00	0,00	10,00	6.400.000,00	70.400.000,00	

1,00 20,00 64.000.00... ,00 6.400.00... 70.400.000,00

Edit Filter

Hình 2.3: Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT 1134 (Nguồn: Phòng kế toán)

 **CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY**
 Mã số thuế (Tax code): 0310299559
 Địa chỉ (Address): 179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại (Tel): 02862518668 Fax:
 Website: www.bigbuy.vn Email: info@bigbuy.vn
 Số tài khoản (Account No.): 87596299 Tài Ngân hàng ACB - PGD Hoàng Việt

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu (Serial): **1C23TBB**
(VAT INVOICE) Số (Invoice No): **1134**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
 (Electronic invoice display)
 Ngày (date) 27 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Họ tên người mua hàng (Attention):
 Tên công ty (Company): CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARON
 Địa chỉ (Address): Số 151 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Mã số thuế (Tax code): 0110390507 Phương thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Máy Pos V2 - T5930 (2+16GB)	Cái	20	3.200.000	64.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					64.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.400.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):					70.400.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng

Người mua hàng (Client) Người bán hàng (Seller)
 Signature valid
 Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
 Ký ngày 27/12/2023

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 1134 (Nguồn: Phòng kế toán)

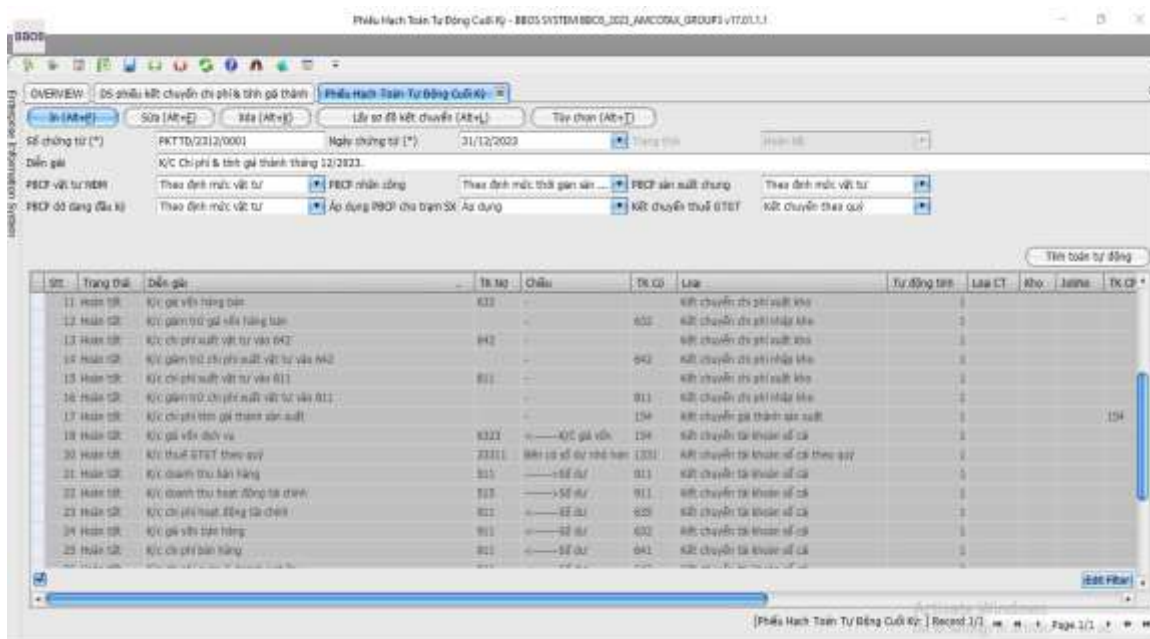
Bước 2: Cuối kì, kế toán thuế lập, kiểm tra, kết xuất bảng kê HĐ hàng hóa mua vào/ bán ra để làm căn cứ lập tờ khai thuế GTGT (*Phụ lục 1,2*).

- Tổng thuế GTGT đầu vào: 365.489.671
- Tổng thuế GTGT đầu ra: 374.721.011
- Số thuế GTGT còn được khấu trừ ở quý 3/2023 chuyển sang là: 246.679.199

Kế toán thuế thực hiện bút toán kết chuyển tự động thuế trên phần mềm BBOS.

Nợ 33311: 374.721.011

Có 1331: 374.721.011



Hình 2.5: Giao diện bút toán kết chuyển tự động (Nguồn: Phòng kế toán)

Bước 3: Căn cứ vào bảng kê HĐ, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào/bán ra. Kế toán thuế lập tờ khai thuế GTGT trên phần mềm thực hiện như sau:

Kế toán vào phần mềm HTKK -> nhập MST của doanh nghiệp -> chọn mục Thuế Giá trị Gia Tăng -> chọn tờ khai thuế GTGT mẫu (01/GTGT)(TT80/2021). Điền đầy đủ các thông tin “Chọn kỳ tính thuế” (Quý 4_2023) và bấm “Đồng ý”.



Hình 2.6: Giao diện chọn kỳ tính thuế (Nguồn: Tác giả)

Căn cứ vào bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào/bán ra, kế toán điền đầy đủ thông tin vào tờ khai.

Tại quý IV/2023:

- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: $[22]=246.679.199$
- Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong quý là 3.812.667.437 (**Chỉ tiêu [23]**). Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào là 379.739.671 (**Chỉ tiêu [24],[25]**).
- Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu là 1.023.431.791(**Chỉ tiêu [23a]**). Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu là 102.955.900 (**Chỉ tiêu [24a]**).
- Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong quý là 3.762.056.005 (**Chỉ tiêu [32]**). Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ bán ra là 374.721.011 (**Chỉ tiêu [33]**).
- Do có một số hàng hóa,dịch vụ chịu thuế suất 8% nên sẽ lập thêm phụ lục Giảm thuế GTGT_23_24.
- **Chỉ tiêu [27]**= $[29] + [30] + [32] + [32a] = 3.762.056.005$
- **Chỉ tiêu [28]** = $[31] + [33] = 374.721.011$
- **Chỉ tiêu [26], [29], [30] và [32a]** trống do không phát sinh trong kỳ.
- Phần mềm HTKK tự động tính tiếp: $[34] = 3.762.056.005$, $[35] = 374.721.011$
- Thuế GTGT phát sinh trong kỳ: $[36] = [35] - [25] = (5.018.660)$
- Điều chỉnh tăng thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước: $[38]=518.136$

- Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này: $[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]=252.215.995$
- Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau: $[43]=[4]-[42]=252.215.995$

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC, ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2023

[02] Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY

[05] Mã số thuế: 0310299559

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Phường/xã:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)		Thuế giá trị gia tăng	
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (dánh dấu "X")	[21]		[1]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	246.679.199
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước				
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ				
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	3.812.667.437	[24]	379.739.671
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	1.023.431.791	[24a]	102.955.900
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			[25]	379.739.671
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ				
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ($[27]-[29]+[30]+[32]+[32a]-[28]-[31]+[33]$)	[27]	3.762.056.005	[28]	374.721.011
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0		
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	3.762.056.005	[33]	374.721.011
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0		
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ($[34]-[26]+[27]-[35]-[28]$)	[34]	3.762.056.005	[35]	374.721.011
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ($[36]-[35]-[25]$)			[36]	(5.018.660)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước				
1	Điều chỉnh giảm			[37]	0
2	Điều chỉnh tăng			[38]	518.136
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bán giao được khấu trừ trong kỳ			[39a]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:				
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ($[40a]-([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \geq 0$)			[40a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ($[40b] \leq [40a]$)			[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ($[40]-[40a]-[40b]$)			[40]	0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này ($[41]-([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) \leq 0$)			[41]	252.215.995
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn ($[42] \leq [41]$)			[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($[43]-[41]-[42]$)			[43]	252.215.995

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.

Hình 2.7: Tờ khai thuế GTGT (Nguồn: Phòng kế toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 101/2023/QH15

(Kèm theo Tô khai thuế GTGT Kỳ tính thuế, Quý 4 năm 2023)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.
[02] Mã số thuế: 0310299559
[03] Tên đại lý thuế (nếu có):
[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất	Thuế suất	Thuế GTGT được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Decal, giấy in nhiệt các loại	750.000	10	8	15.000
2	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
3	Decal, giấy in nhiệt các loại	3.700.000	10	8	74.000
4	Decal, giấy in nhiệt các loại	16.500.000	10	8	330.000
5	Decal, giấy in nhiệt các loại	4.444.444	10	8	88.889
6	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
7	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.037.037	10	8	40.741
8	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
9	Decal, giấy in nhiệt các loại	351.389	10	8	7.028
10	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.200.000	10	8	44.000
11	Decal, giấy in nhiệt các loại	800.000	10	8	16.000
12	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.203.704	10	8	24.074
13	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.574.074	10	8	31.481
14	Decal, giấy in nhiệt các loại	5.000.000	10	8	100.000
15	Decal, giấy in nhiệt các loại	648.148	10	8	12.963
16	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.435.185	10	8	48.704
17	Decal, giấy in nhiệt các loại	700.000	10	8	14.000
18	Decal, giấy in nhiệt các loại	700.000	10	8	14.000
19	Decal, giấy in nhiệt các loại	6.111.111	10	8	122.222
20	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
21	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.500.000	10	8	30.000
22	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
23	Decal, giấy in nhiệt các loại	275.000	10	8	5.500
24	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
25	Decal, giấy in nhiệt các loại	5.000.000	10	8	100.000
26	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.400.000	10	8	48.000
27	Decal, giấy in nhiệt các loại	600.000	10	8	12.000
28	Decal, giấy in nhiệt các loại	600.000	10	8	12.000
29	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
30	Phi sửa chữa máy in	500.000	10	8	10.000
	Tổng cộng:	74.230.092			1.484.602

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai/.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.

Hình 2.8: Phụ lục Giảm thuế GTGT_23_24 (Nguồn: Phòng kế toán)

Sau khi nộp tờ khai thuế GTGT Quý IV_2023, kế toán nhận được thông báo của cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử và thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử Quý IV năm 2023.

<p>BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC THUẾ</p> <p>Số: 0124101350887/2024/TB-TĐT</p>	<p>Mẫu số: 01-01/TB-TĐT <small>(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</small></p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024</p>
<p>THÔNG BÁO V/v: Tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử</p>	
<p>Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.</p> <p>Căn cứ hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC của CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY gửi tới cơ quan thuế lúc 10 giờ 13 phút ngày 24 tháng 01 năm 2024, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên tờ khai/Phụ lục: 01/GTGT - TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)- Loại tờ khai: Chính thức- Kỳ tính thuế: Q4/2023- Lần nộp hoặc lần bổ sung: 1- Mã giao dịch điện tử: 11320240230642637 <p>Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc 10 giờ 13 phút ngày 24 tháng 01 năm 2024</p> <p>Hồ sơ khai thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế ghi trên Thông báo này.</p> <p>Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn https://thuedientu.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ để được hỗ trợ.</p> <p>Cơ quan thuế thông báo để CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY biết và thực hiện./.</p> <p>Mã hồ sơ tra cứu trên Cổng dịch vụ công quốc gia: 766.79.18.G12-240124-17012713443022</p>	
<p> Ký điện tử bởi: <i>Tổng cục Thuế.</i></p>	

Hình 2.9: Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử
(Nguồn: Phòng kế toán)

<p>BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC THUẾ</p> <p>Số: 29188/7915/2024/TB-TĐT</p>	<p>Mẫu số: 01-2/TB-TĐT <small>(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)</small></p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2024</p>
<p>THÔNG BÁO V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử</p>	
<p>Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019; Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.</p> <p>Căn cứ hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC của CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY gửi tới cơ quan thuế Chi cục Thuế Quận Tân Bình đã được công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận vào lúc 10 giờ 13 phút ngày 24 tháng 01 năm 2024 mã giao dịch điện tử 11320240230642637. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC của CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY gửi tới cơ quan thuế Chi cục Thuế Quận Tân Bình, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên tờ khai/Phụ lục: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TT80/2021)-01/GTGT(00-Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường)- Loại tờ khai: Chính thức- Kỳ tính thuế: Q4/2023- Lần nộp hoặc lần bổ sung: 1 <p>Hồ sơ khai thuế (HSKT) của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 24 tháng 01 năm 2024. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 24 tháng 01 năm 2024.</p> <p>Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế. Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ cho người nộp thuế qua https://thuedientu.gdt.gov.vn</p> <p>Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.</p> <p>Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.</p>	
<p> Ký điện tử bởi: <i>Tổng cục Thuế.</i></p>	

Hình 2.10: Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử
(Nguồn: Phòng kế toán)

Kế toán phát hiện kê khai sai số liệu tại khoản mục [23], [24], [25]. Do đó, kế toán đã thực hiện kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) (TT80/2021), khác với kê khai lần đầu trong lần kê khai: bổ sung: “Chọn kỳ tính thuế” kế toán “Chọn tờ khai bổ sung lần 1”.



Hình 2.11: Giao diện chọn kỳ tính thuế bổ sung (Nguồn: Tác giả)

Kế toán tiến hành điều chỉnh số liệu tại các khoản mục kê khai sai như sau:

- Tại **chỉ tiêu [23]**: Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong quý là **3.704.167.437**
- Tại **chỉ tiêu [24]** Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào là **365.489.671**
- Tại **chỉ tiêu [25]** Thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này: **365.489.671**

Sau khi điều chỉnh số liệu, kiểm tra xong kế toán bấm “Ghi” và kết xuất ra file dạng XML, PDF.

Tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) – bổ sung lần 1 và phụ lục Giảm thuế GTGT_23_24.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông
quyết số 80/2021/TT-BTC ngày
20 tháng 9 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2023

[02] Lần đầu: [] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY

[05] Mã số thuế: 0310299559

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Phường/xã:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	[]
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 246.679.199
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 3.704.167.437	[24] 365.489.671
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 1.023.431.791	[24a] 102.955.900
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25] 365.489.671
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26] 0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ($[27] = [29] + [30] + [32] + [32a]$; $[28] = [31] + [33]$)	[27] 3.762.056.005	[28] 374.721.011
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 0	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30] 0	[31] 0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 3.762.056.005	[33] 374.721.011
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a] 0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ($[34] = [26] + [27]$; $[35] = [28]$)	[34] 3.762.056.005	[35] 374.721.011
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ($[36] = [35] - [25]$)		[36] 9.231.340
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37] 0
2	Điều chỉnh tăng		[38] 518.136
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ		[39a] 0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ($[40a] = ([36] - [22]) + [37] - [38] - [39a]) \geq 0$)		[40a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ($[40b] \leq [40a]$)		[40b] 0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ($[40] = [40a] - [40b]$)		[40] 0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này ($[41] = ([36] - [22]) + [37] - [38] - [39a]) \leq 0$)		[41] 237.965.995
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn ($[42] \leq [41]$)		[42] 0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($[43] = [41] - [42]$)		[43] 237.965.995

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 24 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.

Hình 2.12: Tờ khai thuế GTGT bổ sung (Nguồn: Phòng kế toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 101/2023/QH15
(Kèm theo Thông tư thuế GTGT Kế hoạch thuế: Quý 4 năm 2023)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
[02] Mã số thuế: 0310299559
[03] Tên đại lý thuế (nếu có):
[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất	Thuế suất	Thuế GTGT được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Decal, giấy in nhiệt các loại	750.000	10	8	15.000
2	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
3	Decal, giấy in nhiệt các loại	3.700.000	10	8	74.000
4	Decal, giấy in nhiệt các loại	16.500.000	10	8	330.000
5	Decal, giấy in nhiệt các loại	4.444.444	10	8	88.889
6	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
7	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.037.037	10	8	40.741
8	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
9	Decal, giấy in nhiệt các loại	351.389	10	8	7.028
10	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.200.000	10	8	44.000
11	Decal, giấy in nhiệt các loại	800.000	10	8	16.000
12	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.203.704	10	8	24.074
13	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.574.074	10	8	31.481
14	Decal, giấy in nhiệt các loại	5.000.000	10	8	100.000
15	Decal, giấy in nhiệt các loại	648.148	10	8	12.963
16	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.435.185	10	8	48.704
17	Decal, giấy in nhiệt các loại	700.000	10	8	14.000
18	Decal, giấy in nhiệt các loại	700.000	10	8	14.000
19	Decal, giấy in nhiệt các loại	6.111.111	10	8	122.222
20	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
21	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.500.000	10	8	30.000
22	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
23	Decal, giấy in nhiệt các loại	275.000	10	8	5.500
24	Decal, giấy in nhiệt các loại	1.400.000	10	8	28.000
25	Decal, giấy in nhiệt các loại	5.000.000	10	8	100.000
26	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.400.000	10	8	48.000
27	Decal, giấy in nhiệt các loại	600.000	10	8	12.000
28	Decal, giấy in nhiệt các loại	600.000	10	8	12.000
29	Decal, giấy in nhiệt các loại	2.500.000	10	8	50.000
30	Phí sửa chữa máy in	500.000	10	8	10.000
	Tổng cộng:	74.230.092			1.484.602

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./

Ngày 24 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.

Hình 2.13: Phụ lục Giảm thuế GTGT_23_24 (bổ sung) (Nguồn: Phòng kế toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI BỔ SUNG

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
Số 2021/TT-BTC, ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2023

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY

[06] Mã số thuế: 0310299559

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế để nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
Tổng cộng: [10]		0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
-						0
Tổng cộng: [11]						0

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày: 0

b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: 0

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1701 - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	(14.250.000)
Tổng cộng: [12]		(14.250.000)

III. Số thuế để nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế để nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
Tổng cộng: [13]		0

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.

2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định

3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày 24 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.

Hình 2.14: Tờ khai bổ sung theo mẫu số 01/KHBS (Nguồn: Phòng kế toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- [01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2023
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
[06] Mã số thuế: 0310299559

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chi tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chi tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	01/GTGT						
		[23] - Giá trị của hàng hóa, dịch vụ mua vào	3812667437	3704167437	(108.500.000)	0	
		[24] - Thuế GTGT của HHĐV mua vào	379739671	365489671	(14.250.000)	0	
		[25] - Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này	379739671	365489671	(14.250.000)	0	
		[36] - Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ	-5018660	9231340	14.250.000	0	
		[41] - Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này	252215995	237965995	(14.250.000)	0	
		[43] - Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	252215995	237965995	(14.250.000)	(14.250.000)	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	\
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	(14.250.000)	\
Tổng cộng (tăng +, giảm -) để nghị hoàn:					[09]	0	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chi tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

Ngày 24 tháng 03 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thanh Tâm

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY.**

Hình 2.15: Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS

(Nguồn: Phòng kế toán)

Bước 4: Kế toán trưởng kiểm tra số liệu trên tờ khai thuế GTGT bổ sung, tờ khai bổ sung theo mẫu số 01/KHBS, bản giải trình kê khai bổ sung theo mẫu số 01-1/KHBS Quý IV năm 2023 và xét duyệt.

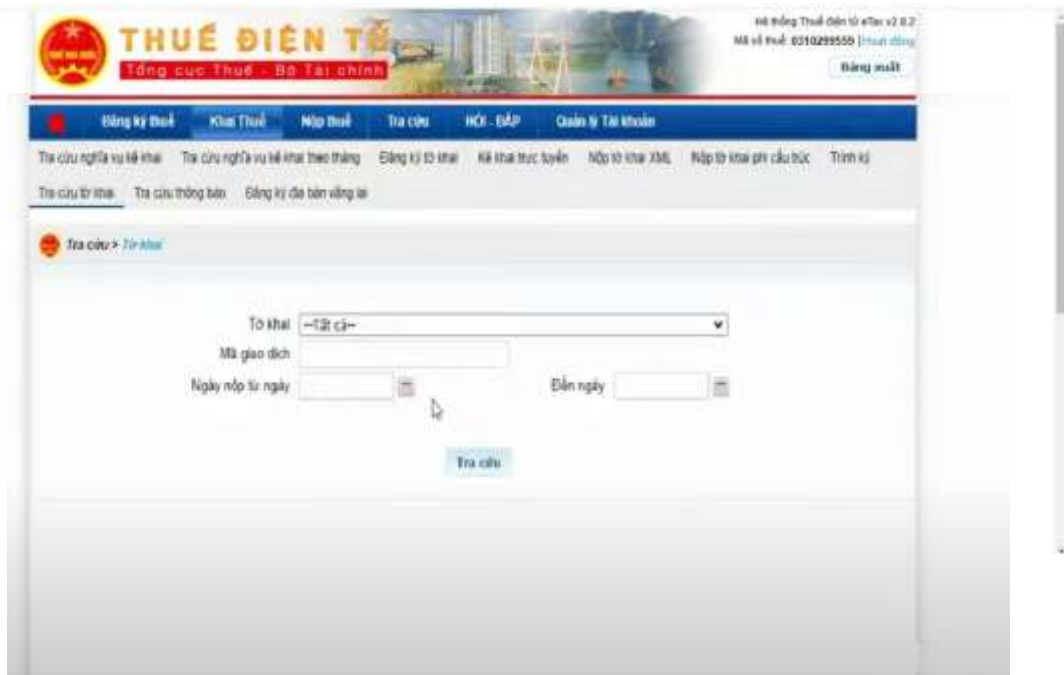
Bước 5: Kế toán thuế nộp tờ khai thuế GTGT bổ sung Quý IV năm 2023 đã được đồng ý xét duyệt qua <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>.

Kế toán vào trang web <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>. Đăng nhập tài khoản DN (MST, Mật khẩu và mã xác nhận). Cuối cùng, tại phần “Khai thuế” chọn vào “Trình ký”. Tải tệp tờ khai và ký.



Hình 2.16: Giao diện nộp tờ khai thuế GTGT (Nguồn: Tác giả)

Sau khi nộp tờ khai thuế GTGT bổ sung lần 1. Tại trang web <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>. Kế toán tiến hành chọn “Tra cứu tờ khai”.



Hình 2.17: Giao diện tra cứu tờ khai(Nguồn: Tác giả)

Kế toán thuế kiểm tra đến khi nhận được thông báo của Cơ quan thuế về việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử và chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử.



Hình 2.18: Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (bổ sung)
(Nguồn: Phòng kế toán)

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;
Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Căn cứ hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC của CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY gửi tới cơ quan thuế Chi cục Thuế Quận Tân Bình đã được công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo tiếp nhận vào lúc 14 giờ 23 phút ngày 28 tháng 03 năm 2024 mà giao dịch điện tử 11320240247422575. Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC của CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY gửi tới cơ quan thuế Chi cục Thuế Quận Tân Bình, cụ thể như sau:

- Tên tờ khai/Phụ lục: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TT80/2021)-01/GTGT(00-Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường)

- Loại tờ khai: Bổ sung

- Kỳ tính thuế: Q4/2023

- Lần nộp hoặc lần bổ sung: 1

Hồ sơ khai thuế (HSKT) của người nộp thuế được cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 28 tháng 03 năm 2024. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 28 tháng 03 năm 2024.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế. Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ cho người nộp thuế qua <https://thuedientu.gdt.gov.vn/div>

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.

Hình 2.19: Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (bổ sung)
(Nguồn: Phòng kế toán)

Do thuế GTGT quý IV năm 2023 của doanh nghiệp được khấu trừ nên kế toán thuế không phải nộp thuế GTGT.

Bước 6: Kế toán thuế lưu Tờ khai thuế GTGT bổ sung Quý IV năm 2023 tại ổ đĩa Z: Công ty -> Kế toán Dung -> Tờ khai thuế GTGT -> Tờ khai thuế GTGT bổ sung Quý IV_2023.

Kế toán lưu trữ các chứng từ liên quan tại ổ đĩa Z: Công ty-> Kế toán Dung-> Sổ sách, chứng từ-> Sổ sách chứng từ Quý IV năm 2023.

2.3.3. Kết quả công việc

+ Chứng từ kế toán áp dụng

- Hóa đơn GTGT mua vào
- Hóa đơn GTGT bán ra

+ Liên quan đến bút toán

- Kế toán nghiệp vụ mua hàng:

Nợ TK 156

Nợ TK 1331

Có TK 1111/1121/331

- Kế toán nghiệp vụ bán hàng:

Ghi nhận giá vốn:

Nợ TK 632

Có TK 156

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 1111/1121/131

Có TK 33311

Có TK 511

- Kết chuyển thuế GTGT cuối quý:

Nợ TK 33311

Có TK 1331

+ Liên quan đến sổ kế toán:

- Sổ nhật ký chung (Phụ lục 3).
- Sổ cái 133, 333, 131, 331, 156, 111, 112, 511, 632 (Phụ lục 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12)
- Sổ chi tiết 1331, 33311 (Phụ lục 13,14).

+ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra (Phụ lục 1).
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (Phụ lục 2).
- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT – TT80/2021).
- Phụ lục giảm thuế Giá trị gia tăng:theo Nghị quyết số 43/2022/QH15.

+ Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc kế toán thuế GTGT:

- Doanh nghiệp áp dụng biểu mẫu của các chứng từ, sổ sách và báo cáo theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

+ Liên quan đến công việc kế toán khác:

- Kế toán mua hàng
- Kế toán bán hàng
- Kế toán kho
- Kế toán trưởng

+ Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:

Tờ khai thuế và các HĐ GTGT mua vào/bán ra , các sổ sách kế toán được lưu trữ dạng file mềm trong ổ đĩa của công ty tạo cho mỗi kế toán.

VD: Tờ khai thuế GTGT quý IV năm 2023 sẽ được lưu trữ: Ổ đĩa Z: Công ty-> Kế toán Dung -> Công ty A-> Tờ khai thuế GTGT -> Tờ khai thuế GTGT_Q4_2023.

2.3.4. Kiểm tra kết quả công việc

Để đảm bảo công việc của kế toán thuế GTGT được thực hiện một cách chính xác, đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu, kế toán trưởng là người kiểm tra và giám sát hoạt động kế toán thuế.

Chu kì kiểm tra công việc là hàng tháng hoặc hàng quý. Trong đó, nội dung kiểm tra: việc lập bảng kê HĐ mua vào/bán ra, lập tờ khai thuế GTGT, kiểm tra- đối chiếu số liệu trên tờ khai so với bảng kê HĐ mua vào/ bán ra, các nghiệp vụ hạch toán trên phần mềm và các chứng từ, sổ sách liên quan có trùng khớp hay không. Đồng thời, kế toán trưởng kiểm tra quy trình hạch toán, phương pháp kế toán có áp dụng đúng các quy định do Luật thuế đề ra và do doanh nghiệp quy định.

Về cách thức kiểm tra, kế toán trưởng sẽ kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của hóa đơn về các thông tin quan trọng (mã số thuế, nhà cung cấp, số hóa đơn,...), có hợp pháp, đúng số liệu, phù hợp với quy định hay không. Việc kiểm tra các bút toán khấu trừ, kiểm tra số thuế GTGT kỳ này còn được khấu trừ hay phải nộp cho Nhà nước là vấn đề rất quan trọng, giúp doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ với Cơ quan thuế, tuân thủ pháp luật. Kế toán trưởng kiểm tra hoá đơn GTGT có thiếu sót, trùng lặp hay không và yêu cầu các bộ phận kế toán liên quan xử lý bổ sung kịp thời.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần BIGBUY

3.1.1. Sự cần thiết

“Thuế GTGT là nguồn thu quan trọng, ổn định, bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý cho ngân sách nhà nước nhằm đáp ứng nguồn tài chính cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.” (Nguồn: *Công thông tin điện tử Bộ Tài Chính*)

Kể từ khi thành lập, mỗi doanh nghiệp bao gồm cả Công ty Cổ phần BIGBUY đều cần cho mình một kế toán thuế. Kế toán GTGT không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài chính mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự minh bạch và công bằng trong hệ thống thuế, giúp các doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, kế toán thuế GTGT là bộ phận sẽ giải trình với kiểm tra và thanh tra của Cơ quan thuế về các số liệu trên tờ khai, thể hiện sự minh bạch và tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán thuế có trách nhiệm cập nhật các quy định mới về Luật thuế để doanh nghiệp áp dụng đúng các quy định được đề ra. Ngoài ra, thông qua việc phân tích số liệu thuế GTGT giúp doanh nghiệp đưa ra những chiến lược như điều chỉnh về giá bán sản phẩm cho phù hợp với thị trường hiện tại, các chương trình khuyến mãi cho hợp lý. Tóm lại kế toán thuế GTGT không chỉ đơn thuần là yêu cầu pháp lý mà là bộ phận vô cùng quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh.

3.1.2. Yêu cầu hoàn thiện

Tổ chức bộ máy kế toán doanh nghiệp khoa học, có sự chỉ đạo từ trên xuống dưới, việc hạch toán, kê khai HĐ, chứng từ đúng quy định của Nhà nước, nhân viên kế toán doanh nghiệp năng động, sáng tạo. Doanh nghiệp vẫn còn những hạn chế cần cải thiện như sau:

Hiện nay, dữ liệu của công ty hầu hết đã chuyển hoàn toàn từ lưu trữ kiểu đóng quyển sang lưu trữ ổ đĩa, phần mềm. Đây là một sự thay đổi tích cực của doanh nghiệp trong nền kinh tế 4.0, tuy nhiên vẫn có những rủi ro có thể xảy ra như virus,

hacker mạng dẫn đến dữ liệu bị mất hoặc bị đánh cắp,... việc mất số liệu ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc quản lý tài chính và tình hình kinh doanh của công ty.

Doanh nghiệp cần nâng cấp, cải tiến phần mềm kế toán, vì phần mềm đôi khi gặp lỗi như double số tiền nghiệp vụ đã hạch toán trong phần mềm, dẫn đến quá trình xử lý số liệu đối với các bộ phận kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán thuế nói riêng trong việc lập bảng kê HĐ mua vào/bán ra gặp nhiều khó khăn, làm chậm quá trình nộp thuế dẫn đến doanh nghiệp phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm quy định.

Hiện tại, doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ kế toán bên ngoài, mang lại nhiều lợi ích: vì kế toán dịch vụ là người có kinh nghiệm nên việc xử lý các nghiệp vụ mất ít thời gian và nhanh chóng, hợp pháp của kế toán thuế, giúp doanh nghiệp tập trung hơn vào hoạt động kinh doanh của mình. Bên cạnh đó vẫn có bất lợi, các bộ phận kế toán doanh nghiệp và kế toán dịch vụ chủ yếu trao đổi công việc với nhau qua điện thoại dẫn đến khó khăn trong việc yêu cầu điều chỉnh các thông tin, nghiệp vụ, do kế toán dịch vụ không làm việc tại doanh nghiệp nên không nắm bắt rõ được tình hình kinh doanh dẫn đến hoàn thành yêu cầu công việc không đúng mục tiêu đề ra, hoàn thành chậm trễ.

Kế toán kho và kế toán mua/bán hàng chưa phối hợp tốt với nhau trong việc kiểm tra, dẫn đến tình trạng HĐ và chứng từ sai sót, không đầy đủ như sai tên khách hàng, sai số lượng hàng hóa đôi khi vẫn xảy ra tại doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình kế toán thuế. Vì hóa đơn và chứng từ chính là căn cứ để xác định số thuế phải nộp và các khoản khấu trừ được hưởng. Ngoài ra, trong trường hợp HĐ, chứng từ sai sót không được phát hiện, xử lý kịp thời, khi Cơ quan thuế kiểm tra phát hiện HĐ, chứng từ không hợp lệ, hợp pháp dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán

Với môi trường kinh doanh hiện nay cùng với sự thay đổi liên tục về các quy định pháp lý, công tác tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng. Để công tác kế toán diễn ra hiệu quả, phù hợp với nền kinh tế,

dưới đây là một số giải pháp doanh nghiệp có thể áp dụng để nâng cao tổ chức bộ máy kế toán:

Để tránh tình trạng dữ liệu của doanh nghiệp có thể bị đánh cắp gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp nên đầu tư vào phần mềm diệt virus (Kaspersky Anti-Virus, ESET NOD32 Antivirus...), sao lưu dữ liệu đám mây, lưu trữ dữ liệu ở nhiều vị trí khác nhau, cập nhật thường xuyên các phần mềm (BBOS, HTKK,..), sử dụng các biện pháp xác thực mạnh cho tài khoản truy cập hệ thống.

Để việc hạch toán, xử lý số liệu của doanh nghiệp diễn ra nhanh chóng, thuận lợi doanh nghiệp cần yêu cầu bên dịch vụ phần mềm kế toán tìm ra nguyên nhân và viết lại mã code khắc phục lỗi, điều này giúp doanh nghiệp tránh được những sự cố hoặc gián đoạn trong quá trình kinh doanh và duy trì sự phát triển của công ty trong nền kinh tế hiện đại.

Công ty cần tổ chức các buổi gặp mặt trực tiếp với công ty kế toán dịch vụ vào hàng quý hoặc hàng năm để kế toán hai bên hiểu nhau hơn, nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp, thuận lợi trong việc xử lý các nghiệp vụ, đảm bảo việc cung cấp thông tin về số liệu và yêu cầu điều chỉnh được rõ ràng và hiệu quả, cùng nhau đề ra giải pháp để kịp thời giải quyết vấn đề và đảm bảo công việc được hoàn thành đúng thời hạn, thuận lợi cho quá trình hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp cần yêu cầu kế toán kho và kế toán mua/bán hàng tăng cường phối hợp, kiểm tra để hóa đơn, chứng từ luôn chính xác, hạn chế các sai sót tạo điều kiện thuận lợi cho việc kê khai, nộp thuế đúng thời hạn của Nhà nước quy định. Đồng thời, nên thiết lập bộ phận kiểm tra kế toán nội bộ nhằm hạn chế các sai sót về số liệu, chứng từ, đảm bảo độ chính xác của dữ liệu, nâng cao chất lượng công việc, thể hiện được sự chuyên nghiệp trong bộ máy kế toán.

Để tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường cũng như đáp ứng các nhu cầu thay đổi trong môi trường kinh doanh ngày nay, doanh nghiệp cần cử đại diện thường là kế toán trưởng đi tham gia các buổi tập huấn ngay khi có ban hành quy định mới về pháp luật. Sau đó, kế toán trưởng là người sẽ về triển khai cho các kế toán ở doanh nghiệp.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán thuế GTGT

Để nâng cao chất lượng công việc và góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, dưới đây là một vài giải pháp mà cho bộ phận kế toán thuế của doanh nghiệp có thể áp dụng:

Kế toán thuế cần kiểm tra chặt chẽ số liệu đã nhập trên phần mềm HTKK trước khi kết xuất tờ khai nộp cho Cơ quan thuế, nhằm hạn chế tình trạng kê khai sai số liệu phải kê khai tờ khai bổ sung.

Tăng cường phối hợp với các bộ phận trong doanh nghiệp để tăng mức độ chính xác về số liệu, tạo sự liên kết chặt chẽ nâng cao chất lượng công việc.

KẾT LUẬN

Trong suốt thời gian thực tập cùng với những kiến thức được trang bị trong nhà trường. Em đã thu thập và trau dồi cho bản thân thêm nhiều kiến thức về nghiệp vụ kế toán với từng phần hành, đặc biệt tìm hiểu sâu hơn về kế toán thuế GTGT. Từ những kiến thức thực tế cộng với sự hướng dẫn tận tình từ các anh/chị kế toán tại công ty đã giúp em trải nghiệm được nhiều kiến thức thực tiễn mà tại nhà trường chưa học qua.

Từ những quan sát thực tế tại công ty, em đã đưa ra một vài kiến nghị và giải pháp để giải quyết các vấn đề đó nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Tuy những ý kiến của em đưa ra chỉ là dưới góc độ của một sinh viên nhưng em hy vọng rằng nó sẽ được Doanh nghiệp xem xét.

Do kinh nghiệm làm việc cùng với trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý tích cực từ Quý Thầy/Cô để bài báo cáo được hoàn thiện hơn. Cuối cùng, em xin đặc biệt gửi lời cảm ơn đến Cô Nguyễn Ngọc Phong Lan, Giám đốc Công ty Cổ phần BIGBUY và các anh/chị tại phòng kế toán đã luôn giúp đỡ em nhiệt tình trong quá trình thực tập và hoàn thiện bài báo cáo.

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Nghiệp vụ	Trang
1	Phụ lục 1	Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào	45
2	Phụ lục 2	Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra	48
3	Phụ lục 3	Sổ nhật ký chung	51
4	Phụ lục 4	Sổ cái 133	54
5	Phụ lục 5	Sổ cái 333	56
6	Phụ lục 6	Sổ cái 131	58
7	Phụ lục 7	Sổ cái 331	60
8	Phụ lục 8	Sổ cái 156	62
9	Phụ lục 9	Sổ cái 111	64
10	Phụ lục 10	Sổ cái 112	66
11	Phụ lục 11	Sổ cái 511	68
12	Phụ lục 12	Sổ cái 632	70
13	Phụ lục 13	Sổ chi tiết 1331	71
14	Phụ lục 14	Sổ chi tiết 33311	73
15	Phụ lục 15	Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 1063	75
16	Phụ lục 16	Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 3521	76
17	Phụ lục 17	Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 1155	77
18	Phụ lục 18	Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 1124	78

Phụ lục 1: Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào:

Mẫu số: 01-2/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số
156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu 01/GTGT ngày tháng..... năm.....)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

[03] Mã số thuế: 0310299559

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế				Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú hoặc thời hạn thanh toán trả chậm
	Ký hiệu mẫu hóa đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:											
1		AA/20E	249719	01/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	209,005,000	10	20,900,500	NMND/2401/0006
2		AA/20E	324943	01/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	141,000,000	10	14,100,000	NMND/2401/0005
3		AA/20E	369027	01/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	6,709,091	10	670,909	NMND/2401/0004
4		AA/20E	380996	01/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	112,800,000	10	11,280,000	NMND/2401/0003

5		AA/20E	428895	01/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	14,100,000	10	1,410,000	NMND/2401/0002
6		1K23TTA	856370	01/10/2023	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂN BÌNH	0300951119-020	Phí điện văn phòng	1,828,402	-	-	PKT/2401/0004
7		GG	4828576666	01/10/2023	GOOGLE ASIA PACIFIC PTE.LTD		Phí dịch vụ tên miền của google	1,000,000	-	-	PKT/2402/0071
8		1K23DAB	94961125	02/10/2023	Viettel TPHCM - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	0100109106	Cước viễn thông	112,677	10	11,268	PKT/2401/0012
9		1K23DAB	94972444	02/10/2023	Viettel TPHCM - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	0100109106	Cước viễn thông	42,016	10	4,202	PKT/2401/0011
.....		
134		1K23DAC	38386403	23/12/2023	Viettel TPHCM - Chi nhánh Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	0100109106	Cước viễn thông	112,810	10	11,281	PKT/2401/0023
135		1K23TEA	558856	25/12/2023	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	0100112437-002	Phí ngân hàng	20,000	10	2,000	UNC/2401/0077
136		1C23TSG	533965	27/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	7,327,273	10	732,727	NMND/2312/0041
137		1C23TSG	534889	27/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ PHONG VŨ	0304998358	Nhập mua hàng hóa	12,545,455	10	1,254,545	NMND/2312/0042
138		1K23TAB	546276	27/12/2023	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Bình	0301103908-005	Phí ngân hàng	100,000	10	10,000	UNC/2401/0016

139		GG	4876886042	28/12/2023	GOOGLE ASIA PACIFIC PTE.LTD		Phí dịch vụ tên miền của google	1,000,000	-	-	PKT/2402/0102
140		1C23TRT	2290	29/12/2023	Công Ty Cổ Phần Riotech	0313823139	Nhập mua hàng hóa	3,545,455	10	354,546	NMND/2312/0043
Tổng								3,704,167,437		365,489,671	
2. Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:											
Tổng								-		-	
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:											
Tổng								-		-	
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:											
Tổng								-		-	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:											
Tổng								-		-	

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào (*):

3,704,167,437

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào ():**

365,489,671

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký ghi rõ họ tên: chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

(*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ mua vào là tổng cộng số liệu tại cột 8 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4.

(**) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào là tổng cộng số liệu tại cột 10 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4.

Phụ lục 2: Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra:

Mẫu số: 01-2/GTGT
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 156/2013/TT-BTC
 ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu 01/GTGT ngày tháng năm.....)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

0310299559

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hóa đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm phát sinh							
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT:										
Tổng							-		-	
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 0%:										
Tổng							-		-	
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:										
Tổng							-		-	
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:										
1	1C23TBB	792	02/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN POSTECH	0314690883	Xuất bán hàng hóa	12,518,182	10	1,251,818	XBND/2312/0001
2	1C23TBB	793	03/10/2023	CÔNG TY TNHH PHƯỚC KHANG	0303645494	Xuất bán hàng hóa	750,000	8	60,000	XBND/2312/0002

3	1C23TBB	794	03/10/2023	CÔNG TY TNHH PHƯỚC KHANG	0303645494	Xuất bán hàng hóa	1,050,000	10	105,000	XBND/2312/0003
4	1C23TBB	795	03/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	1,427,273	10	142,727	XBND/2312/0004
5	1C23TBB	796	03/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	2,454,545	10	245,455	XBND/2312/0005
6	1C23TBB	797	03/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	17,090,909	10	1,709,091	XBND/2312/0006
7	1C23TBB	798	03/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	3,018,182	10	301,818	XBND/2312/0007
8	1C23TBB	799	04/10/2023	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Breaktime	0313215934	Xuất bán hàng hóa	1,400,000	8	112,000	XBND/2312/0008
9	1C23TBB	800	04/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	3,000,000	10	300,000	XBND/2312/0009
10	1C23TBB	801	04/10/2023	NGƯỜI MUA KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN		Xuất bán hàng hóa	3,454,545	10	345,455	XBND/2312/0010
.....
358	1C23TBB	1151	29/12/2023	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ XPOS	0318178108	Xuất bán hàng hóa	8,345,455	10	834,545	XBND/2312/0452
359	1C23TBB	1152	29/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ POSAPP	0315892628	Xuất bán hàng hóa	3,818,182	10	381,818	XBND/2312/0453
360	1C23TBB	1153	29/12/2023	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI THIẾT BỊ Y TẾ MOSNEURO	0315988866	Xuất bán hàng hóa	3,263,636	10	326,364	XBND/2312/0454

361	1C23TBB	1154	29/12/2023	Công Ty Cổ Phần Riotech	0313823139	Xuất bán hàng hóa	6,955,000	10	695,500	XBND/2312/0455
362	1C23TBB	1155	29/12/2023	CÔNG TY TNHH HTCORPVIETNAM	0316781134	Xuất bán hàng hóa	66,363,636	10	6,636,364	XBND/2312/0456
363	1C23TBB	1156	29/12/2023	CÔNG TY TNHH BIGBUY HÀ NỘI	0110037605	Xuất bán hàng hóa	15,000,000	10	1,500,000	XBND/2312/0457
364	1C23TBB	1157	30/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARON	0110390507	Xuất bán hàng hóa	6,400,000	10	640,000	XBND/2312/0458
365	1C23TBB	1158	30/12/2023	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ XPOS	0318178108	Xuất bán hàng hóa	33,181,818	10	3,318,182	XBND/2312/0459
366	1C23TBB	1159	30/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP SDS VIỆT NAM	0110100631	Xuất bán hàng hóa	6,400,000	10	640,000	XBND/2312/0460
Tổng							3,762,056,005		374,721,011	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:										
Tổng							-		-	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra (*):

3,762,056,005

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT():**

3,762,056,005

Tổng thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra(*):**

374,721,011

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký ghi rõ họ tên: chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục 3: Sổ Nhật ký chung:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/10/2023 đến ngày: 31/12/2023

DVT: VND

Ngày tháng ghi số	Số	Ngày	Diễn giải	Đã ghi số	Số hiệu TK	Nợ	Có
01/10/2023	PC/2310/0010	01/10/2023	Chi tiền - Phí điện văn phòng	x	331	1,828,402	-
01/10/2023	PC/2310/0010	01/10/2023	Chi tiền - Phí điện văn phòng	x	1111	-	1,828,402
01/10/2023	NMND/2401/0002	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	156	14,100,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0002	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	1331	1,410,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0002	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	331	-	15,510,000
01/10/2023	NMND/2401/0003	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	156	112,800,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0003	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	1331	11,280,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0003	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	331	-	124,080,000
01/10/2023	NMND/2401/0004	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	156	6,709,091	-
01/10/2023	NMND/2401/0004	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	1331	670,909	-
01/10/2023	NMND/2401/0004	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	331	-	7,380,000
01/10/2023	NMND/2401/0005	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	156	141,000,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0005	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	1331	14,100,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0005	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	331	-	155,100,000
01/10/2023	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	156	209,005,000	-
01/10/2023	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	1331	20,900,500	-
01/10/2023	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	x	331	-	229,905,500
01/10/2023	PKT/2401/0004	01/10/2023	Phí điện văn phòng	x	64227	1,828,402	-
01/10/2023	PKT/2401/0004	01/10/2023	Phí điện văn phòng	x	331	-	1,828,402
01/10/2023	PKT/2402/0071	01/10/2023	Phí dịch vụ tên miền của google	x	64227	1,000,000	-
01/10/2023	PKT/2402/0071	01/10/2023	Phí dịch vụ tên miền của google	x	331	-	1,000,000
02/10/2023	PT/2403/0019	02/10/2023	Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 275+280	x	1111	19,250,000	-
02/10/2023	PT/2403/0019	02/10/2023	Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 275+280	x	131	-	19,250,000

02/10/2023	PC/2310/0003	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	x	331	46,218	-
02/10/2023	PC/2310/0003	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	x	1111	-	46,218
02/10/2023	PC/2310/0004	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	x	331	123,945	-
02/10/2023	PC/2310/0004	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	x	1111	-	123,945
02/10/2023	XBND/2312/0001	02/10/2023	Xuất bán hàng hóa	x	131	13,770,000	-
02/10/2023	XBND/2312/0001	02/10/2023	Xuất bán hàng hóa	x	5111	-	12,518,182
02/10/2023	XBND/2312/0001	02/10/2023	Xuất bán hàng hóa	x	33311	-	1,251,818
02/10/2023	PKT/2401/0011	02/10/2023	Cước viễn thông	x	64227	42,016	-
02/10/2023	PKT/2401/0011	02/10/2023	Cước viễn thông	x	1331	4,202	-
02/10/2023	PKT/2401/0011	02/10/2023	Cước viễn thông	x	331	-	46,218
02/10/2023	PKT/2401/0012	02/10/2023	Cước viễn thông	x	64227	112,677	-
02/10/2023	PKT/2401/0012	02/10/2023	Cước viễn thông	x	1331	11,268	-
02/10/2023	PKT/2401/0012	02/10/2023	Cước viễn thông	x	331	-	123,945
03/10/2023	PT/2310/0001	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	x	1111	1,570,000	-
03/10/2023	PT/2310/0001	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	x	131	-	1,570,000
03/10/2023	PT/2310/0002	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	x	1111	2,700,000	-
03/10/2023	PT/2310/0002	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	x	131	-	2,700,000
.....		
31/12/2023	PKT/2401/0031	31/12/2023	Trích lương tháng 12/2023	x	64221	50,240,000	-
31/12/2023	PKT/2403/0012	31/12/2023	Nguyễn Thanh Tâm chi hộ phí GOOGLE	x	331	13,000,000	-
31/12/2023	PKT/2403/0012	31/12/2023	Nguyễn Thanh Tâm chi hộ phí GOOGLE	x	3388	-	13,000,000
31/12/2023	PKT/2403/0014	31/12/2023	Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	x	64227	70,962,599	-
31/12/2023	PKT/2403/0014	31/12/2023	Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	x	2294	-	70,962,599
31/12/2023	PKT/2403/0015	31/12/2023	Trích thuế TNDN năm 2023	x	821	79,589,457	-
31/12/2023	PKT/2403/0015	31/12/2023	Trích thuế TNDN năm 2023	x	3334	-	79,589,457
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c doanh thu bán hàng	x	5111	2,087,543,634	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c giá vốn bán hàng	x	911	1,522,289,250	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c giá vốn hàng bán	x	6321	1,522,289,250	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c thuế GTGT theo quý	x	33311	374,721,011	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	x	911	269,672,335	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c lãi	x	911	182,126,533	-

31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	x	911	79,589,457	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí hoạt động tài chính	x	911	32,630,627	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí khác	x	911	1,247,511	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	Khấu hao Iphone 15 Pro Max 256gb - Tháng 12/2023	x	64224	507,424	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c doanh thu hoạt động tài chính	x	515	12,080	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c lỗ	x	4212	0	-
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c doanh thu bán hàng	x	911	-	2,087,543,634
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c giá vốn bán hàng	x	6321	-	1,522,289,250
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c giá vốn hàng bán	x	156	-	1,522,289,250
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c thuế GTGT theo quý	x	1331	-	374,721,011
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c lãi	x	4212	-	182,126,533
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	x	64221	-	170,211,990
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	x	64227	-	98,932,921
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	x	821	-	79,589,457
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí hoạt động tài chính	x	635	-	32,630,627
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí khác	x	811	-	1,247,511
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	Khấu hao Iphone 15 Pro Max 256gb - Tháng 12/2023	x	2141	-	507,424
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	x	64224	-	507,424
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	x	64225	-	20,000
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c doanh thu hoạt động tài chính	x	911	-	12,080
31/12/2023	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c lỗ	x	911	-	0
Tổng cộng :						33,451,025,867	33,451,025,867

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 4: Sổ cái 133:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		247,197,335	-
2	NMND/2401/0002	01/10/2023	428895	06/11/2021	Tiền thuế đầu vào	331	1,410,000	-
3	NMND/2401/0003	01/10/2023	380996	14/10/2021	Tiền thuế đầu vào	331	11,280,000	-
4	NMND/2401/0004	01/10/2023	369027	08/10/2021	Tiền thuế đầu vào	331	670,909	-
5	NMND/2401/0005	01/10/2023	324943	25/06/2021	Tiền thuế đầu vào	331	14,100,000	-
6	NMND/2401/0006	01/10/2023	249719	27/04/2021	Tiền thuế đầu vào	331	20,900,500	-
7	PKT/2401/0011	02/10/2023	94972444	02/10/2023	Cước viễn thông	331	4,202	-
8	PKT/2401/0012	02/10/2023	94961125	02/10/2023	Cước viễn thông	331	11,268	-
9	NMND/2312/0001	03/10/2023	743	03/10/2023	Tiền thuế đầu vào	331	45,000	-
10	NMND/2312/0002	03/10/2023	744	03/10/2023	Tiền thuế đầu vào	331	39,200	-
11	PKT/2401/0001	04/10/2023	35134	04/10/2023	Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	331	177,629	-
12	NMND/2312/0003	05/10/2023	1795	05/10/2023	Tiền thuế đầu vào	331	300,000	-
13	PKT/2401/0008	05/10/2023	3535011	05/10/2023	Cước viễn thông	331	10,722	-
14	PKT/2401/0009	05/10/2023	3534626	05/10/2023	Cước viễn thông	331	8,291	-
15	PKT/2401/0010	05/10/2023	3464258	05/10/2023	Cước viễn thông	331	5,093	-
16	NMND/2312/0004	06/10/2023	3288	06/10/2023	Tiền thuế đầu vào	331	322,727	-
17	NMND/2312/0005	07/10/2023	1862	07/10/2023	Tiền thuế đầu vào	331	225,000	-
18	UNC/2401/002				Phí ngân hàng	1121	5,000	
19	UNC2401/003				Phí ngân hàng	1121	1,818	
20	NMND/2312/0006				Tiền thuế đầu vào	331	2,475,000	
21	NMND/2312/0007				Tiền thuế đầu vào	331	2,430,000	

...	
85	NMND/2312/0034	14/12/2023	2189	14/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	1,781,818	-
86	UNC/2401/0014	14/12/2023	45572	14/12/2023	Phí ngân hàng	1121	48,680	-
87	NMNK/2401/0003	15/12/2023	105959616230	15/12/2023	Tiền thuế VAT NK	33312	46,364,712	-
88	PBHTK/2401/0005	15/12/2023	5047	15/12/2023	Phí nhập hàng TKHQ 105959616230	331	352,315	-
89	PBHTK/2401/0006	15/12/2023	225	15/12/2023	Phí vận chuyển hàng hóa TKHQ 105959616230	331	160,000	-
90	NMND/2312/0035	16/12/2023	2384	16/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	390,000	-
91	NMND/2312/0036	18/12/2023	1196	18/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	161,000	-
92	NMND/2312/0037	18/12/2023	520596	18/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	2,475,000	-
93	NMND/2312/0038	19/12/2023	2223	19/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	354,546	-
94	PKT/2401/0024	19/12/2023	335494	19/12/2023	Phí dịch vụ	331	2,889	-
95	UNC/2401/0015	19/12/2023	46118	19/12/2023	Phí ngân hàng	1121	17,424	-
96	UNC/2401/0075	19/12/2023	6855076	19/12/2023	Phí ngân hàng	1121	4,240	-
97	NMND/2312/0039	20/12/2023	331163	20/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	39,600,000	-
98	UNC/2401/0076	21/12/2023	6888888	21/12/2023	Phí ngân hàng	1121	700	-
99	NMND/2312/0040	22/12/2023	3521	22/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	192,000	-
100	NMNK/2401/0001	22/12/2023	105970003310	22/12/2023	Tiền thuế VAT NK	33312	5,273,520	-
101	PKT/2401/0023	23/12/2023	38386403	23/12/2023	Cước viễn thông	331	11,281	-
102	UNC/2401/0077	25/12/2023	558856	25/12/2023	Phí ngân hàng	1121	2,000	-
103	NMND/2312/0041	27/12/2023	533965	27/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	732,727	-
104	NMND/2312/0042	27/12/2023	534889	27/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	1,254,545	-
105	UNC/2401/0016	27/12/2023	546276	27/12/2023	Phí ngân hàng	1121	10,000	-
106	NMND/2312/0043	29/12/2023	2290	29/12/2023	Tiền thuế đầu vào	331	354,546	-
107	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c thuế GTGT theo quý	33311	-	374,721,011
108					TỔNG PHÁT SINH		368,534,216	377,765,556
109					CUỐI KỲ		237,965,995	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 5: Sổ cái 333:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		-	256,391
2	XBND/2312/0001	02/10/2023	792	02/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,251,818
3	XBND/2312/0002	03/10/2023	793	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	60,000
4	XBND/2312/0003	03/10/2023	794	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	105,000
5	XBND/2312/0004	03/10/2023	795	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	142,727
6	XBND/2312/0005	03/10/2023	796	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	245,455
7	XBND/2312/0006	03/10/2023	797	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,709,091
8	XBND/2312/0007	03/10/2023	798	03/10/2023	Tiền thuế	131	-	301,818
9	XBND/2312/0008	04/10/2023	799	04/10/2023	Tiền thuế	131	-	112,000
10	XBND/2312/0009	04/10/2023	800	04/10/2023	Tiền thuế	131	-	300,000
11	XBND/2312/0010	04/10/2023	801	04/10/2023	Tiền thuế	131	-	345,455
12	XBND/2312/0011	04/10/2023	802	04/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,730,909
13	XBND/2312/0012	05/10/2023	803	05/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,068,000
14	XBND/2312/0013	05/10/2023	804	05/10/2023	Tiền thuế	131	-	418,182
15	XBND/2312/0014	05/10/2023	805	05/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,696,364
16	XBND/2312/0015	05/10/2023	806	05/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,352,727
17	XBND/2312/0016	05/10/2023	807	05/10/2023	Tiền thuế	131	-	653,636
18	XBND/2312/0017	06/10/2023	808	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,672,727
19	XBND/2312/0018	06/10/2023	809	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	790,909
20	XBND/2312/0019	06/10/2023	810	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,516,364
21	XBND/2312/0020	06/10/2023	811	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,549,091
22	XBND/2312/0021	06/10/2023	812	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	2,311,364
23	XBND/2312/0022	06/10/2023	813	06/10/2023	Tiền thuế	131	-	372,727

24	XBND/2312/0023	07/10/2023	814	07/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,003,636
25	XBND/2312/0024	07/10/2023	815	07/10/2023	Tiền thuế	131	-	1,650,000
26	XBND/2312/0025	07/10/2023	816	07/10/2023	Tiền thuế	131	-	2,460,000
.....	
356	XBND/2312/0436	27/12/2023	1140	27/12/2023	Tiền thuế	131	-	3,272,727
357	XBND/2312/0437	28/12/2023	1141	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	1,272,727
358	XBND/2312/0438	28/12/2023	1142	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	354,545
359	XBND/2312/0439	28/12/2023	1143	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	200,000
360	XBND/2312/0440	28/12/2023	1144	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	720,000
361	XBND/2312/0441	28/12/2023	1145	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	447,273
362	XBND/2312/0442	28/12/2023	1146	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	23,165,455
363	XBND/2312/0448	28/12/2023	1147	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	7,680,000
364	XBND/2312/0449	28/12/2023	1148	28/12/2023	Tiền thuế	131	-	1,527,273
365	XBND/2312/0450	29/12/2023	1149	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	334,545
366	XBND/2312/0451	29/12/2023	1150	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	3,181,818
367	XBND/2312/0452	29/12/2023	1151	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	834,545
368	XBND/2312/0453	29/12/2023	1152	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	381,818
369	XBND/2312/0454	29/12/2023	1153	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	326,364
370	XBND/2312/0455	29/12/2023	1154	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	695,500
371	XBND/2312/0456	29/12/2023	1155	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	6,636,364
372	XBND/2312/0457	29/12/2023	1156	29/12/2023	Tiền thuế	131	-	1,500,000
373	XBND/2312/0458	30/12/2023	1157	30/12/2023	Tiền thuế	131	-	640,000
374	XBND/2312/0459	30/12/2023	1158	30/12/2023	Tiền thuế	131	-	3,318,182
375	XBND/2312/0460	30/12/2023	1159	30/12/2023	Tiền thuế	131	-	640,000
376	PC/2403/0001	31/12/2023			Nộp thuế TNDN	1111	335,766	-
377	PKT/2403/0015	31/12/2023			Trích thuế TNDN năm 2023	821	-	79,589,457
378	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c thuế GTGT theo quý	1331	374,721,011	-
379					TỔNG PHÁT SINH		478,258,078	557,511,769
380					CUỐI KỲ		-	79,510,082

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Phụ lục 6: Sổ cái 131:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 131 - Phải thu của khách hàng

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		613,632,001	-
2	PT/2403/0019	02/10/2023			Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 275+280	1111	-	19,250,000
3	XBND/2312/0001	02/10/2023	792	02/10/2023	Tiền thuế	33311	1,251,818	-
4	XBND/2312/0001	02/10/2023	792	02/10/2023	Tiền bán hàng	5111	12,518,182	-
5	PT/2310/0001	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	1,570,000
6	PT/2310/0002	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	2,700,000
7	PT/2310/0003	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	18,800,000
8	PT/2310/0004	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	3,320,000
9	PT/2310/0067	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	810,000
10	PT/2310/0068	03/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	1,155,000
11	XBND/2312/0002	03/10/2023	793	03/10/2023	Tiền thuế	33311	60,000	-
12	XBND/2312/0002	03/10/2023	793	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	750,000	-
13	XBND/2312/0003	03/10/2023	794	03/10/2023	Tiền thuế	33311	105,000	-
14	XBND/2312/0003	03/10/2023	794	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	1,050,000	-
15	XBND/2312/0004	03/10/2023	795	03/10/2023	Tiền thuế	33311	142,727	-
16	XBND/2312/0004	03/10/2023	795	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	1,427,273	-
17	XBND/2312/0005	03/10/2023	796	03/10/2023	Tiền thuế	33311	245,455	-
18	XBND/2312/0005	03/10/2023	796	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	2,454,545	-
19	XBND/2312/0006	03/10/2023	797	03/10/2023	Tiền thuế	33311	1,709,091	-
20	XBND/2312/0006	03/10/2023	797	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	17,090,909	-
21	XBND/2312/0007	03/10/2023	798	03/10/2023	Tiền thuế	33311	301,818	-
22	XBND/2312/0007	03/10/2023	798	03/10/2023	Tiền bán hàng	5111	3,018,182	-
23	PT/2310/0005	04/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	3,300,000
24	PT/2310/0006	04/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	3,800,000
25	PT/2310/0007	04/10/2023			Thu tiền - Xuất bán	1111	-	19,040,000

					hàng hóa			
26	PT/2310/0077	04/10/2023			Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	1111	-	1,512,000
.....	
1061	XBND/2312/0453	29/12/2023	1152	29/12/2023	Tiền thuế	33311	381,818	-
1062	XBND/2312/0453	29/12/2023	1152	29/12/2023	Tiền bán hàng	5111	3,818,182	-
1063	XBND/2312/0454	29/12/2023	1153	29/12/2023	Tiền thuế	33311	326,364	-
1064	XBND/2312/0454	29/12/2023	1153	29/12/2023	Tiền bán hàng	5111	3,263,636	-
1065	XBND/2312/0455	29/12/2023	1154	29/12/2023	Tiền thuế	33311	695,500	-
1066	XBND/2312/0455	29/12/2023	1154	29/12/2023	Tiền bán hàng	5111	6,955,000	-
1067	XBND/2312/0456	29/12/2023	1155	29/12/2023	Tiền thuế	33311	6,636,364	-
1068	XBND/2312/0456	29/12/2023	1155	29/12/2023	Tiền bán hàng	5111	66,363,636	-
1069	XBND/2312/0457	29/12/2023	1156	29/12/2023	Tiền thuế	33311	1,500,000	-
1070	XBND/2312/0457	29/12/2023	1156	29/12/2023	Tiền bán hàng	5111	15,000,000	-
1071	GBC/2401/0064	30/12/2023			CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ POSAPP thanh toán tiền hàng đơn 1113+1125	1121	-	28,140,000
1072	GBC/2401/0065	30/12/2023			CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP SDS VIỆT NAM thanh toán tiền hàng	1121	-	7,040,000
1073	GBC/2401/0066	30/12/2023			CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARON thanh toán tiền hàng	1121	-	7,040,000
1074	XBND/2312/0458	30/12/2023	1157	30/12/2023	Tiền thuế	33311	640,000	-
1075	XBND/2312/0458	30/12/2023	1157	30/12/2023	Tiền bán hàng	5111	6,400,000	-
1076	XBND/2312/0459	30/12/2023	1158	30/12/2023	Tiền thuế	33311	3,318,182	-
1077	XBND/2312/0459	30/12/2023	1158	30/12/2023	Tiền bán hàng	5111	33,181,818	-
1078	XBND/2312/0460	30/12/2023	1159	30/12/2023	Tiền thuế	33311	640,000	-
1079	XBND/2312/0460	30/12/2023	1159	30/12/2023	Tiền bán hàng	5111	6,400,000	-
1080					TỔNG PHÁT SINH		4,136,777,016	3,958,720,517
1081					CUỐI KỲ		791,688,500	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 7: Sổ cái 331:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 331 - Phải trả cho người bán

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HD	Ngày HD	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		1,386,227,482	-
2	NMND/2401/0002	01/10/2023	428895	06/11/2021	Tiền thuế đầu vào	1331	-	1,410,000
3	NMND/2401/0002	01/10/2023	428895	06/11/2021	Tiền mua hàng	156	-	14,100,000
4	NMND/2401/0003	01/10/2023	380996	14/10/2021	Tiền thuế đầu vào	1331	-	11,280,000
5	NMND/2401/0003	01/10/2023	380996	14/10/2021	Tiền mua hàng	156	-	112,800,000
6	NMND/2401/0004	01/10/2023	369027	08/10/2021	Tiền thuế đầu vào	1331	-	670,909
7	NMND/2401/0004	01/10/2023	369027	08/10/2021	Tiền mua hàng	156	-	6,709,091
8	NMND/2401/0005	01/10/2023	324943	25/06/2021	Tiền thuế đầu vào	1331	-	14,100,000
9	NMND/2401/0005	01/10/2023	324943	25/06/2021	Tiền mua hàng	156	-	141,000,000
10	NMND/2401/0006	01/10/2023	249719	27/04/2021	Tiền thuế đầu vào	1331	-	20,900,500
11	NMND/2401/0006	01/10/2023	249719	27/04/2021	Tiền mua hàng	156	-	209,005,000
12	PC/2310/0010	01/10/2023			Chi tiền - Phí điện văn phòng	1111	1,828,402	-
13	PKT/2401/0004	01/10/2023	856370	01/10/2023	Phí điện văn phòng	64227	-	1,828,402
14	PKT/2402/0071	01/10/2023	4828576666	01/10/2023	Phí dịch vụ tên miền của google	64227	-	1,000,000
15	PC/2310/0003	02/10/2023			Chi tiền - Cước viễn thông	1111	46,218	-
16	PC/2310/0004	02/10/2023			Chi tiền - Cước viễn thông	1111	123,945	-
17	PKT/2401/0011	02/10/2023	94972444	02/10/2023	Cước viễn thông	1331	-	4,202
18	PKT/2401/0011	02/10/2023	94972444	02/10/2023	Cước viễn thông	64227	-	42,016
19	PKT/2401/0012	02/10/2023	94961125	02/10/2023	Cước viễn thông	1331	-	11,268
20	PKT/2401/0012	02/10/2023	94961125	02/10/2023	Cước viễn thông	64227	-	112,677
21	NMND/2312/0001	03/10/2023	743	03/10/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	45,000
22	NMND/2312/0001	03/10/2023	743	03/10/2023	Tiền mua hàng	156	-	450,000
23	NMND/2312/0002	03/10/2023	744	03/10/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	39,200
24	NMND/2312/0002	03/10/2023	744	03/10/2023	Tiền mua hàng	156	-	490,000
25	PC/2310/0011	03/10/2023			Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	1111	495,000	-

26	PC/2310/0012	03/10/2023			Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	1111	529,200	-
27	PC/2310/0020	04/10/2023			Chi tiền - Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	1111	2,398,000	-
28	PKT/2401/0001	04/10/2023	35134	04/10/2023	Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	1331	-	177,629
29	PKT/2401/0001	04/10/2023	35134	04/10/2023	Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	64227	-	2,220,371
30	NMND/2312/0003	05/10/2023	1795	05/10/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	300,000
...	
257	NMNK/2401/0001	22/12/2023	105970003310	22/12/2023	Tiền mua hàng	156	-	52,735,200
258	PC/2312/0015	22/12/2023			Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	1111	2,592,000	-
259	PKT/2401/0038	22/12/2023		22/12/2023	Đánh giá lỗ tỷ giá TKHQ 105970003310 (24.340-24.080)*2.190usd	635	-	569,400
260	UNC/2401/0090	22/12/2023			Thanh toán cho CÔNG TY MULTIMEX VIỆT NAM hóa đơn 1196	1121	1,771,000	-
261	PC/2312/0005	23/12/2023			Chi tiền - Cước viễn thông	1111	124,091	-
262	PKT/2401/0023	23/12/2023	38386403	23/12/2023	Cước viễn thông	1331	-	11,281
263	PKT/2401/0023	23/12/2023	38386403	23/12/2023	Cước viễn thông	64227	-	112,810
264	NMND/2312/0041	27/12/2023	533965	27/12/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	732,727
265	NMND/2312/0041	27/12/2023	533965	27/12/2023	Tiền mua hàng	156	-	7,327,273
266	NMND/2312/0042	27/12/2023	534889	27/12/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	1,254,545
267	NMND/2312/0042	27/12/2023	534889	27/12/2023	Tiền mua hàng	156	-	12,545,455
268	PKT/2402/0102	28/12/2023	4876886042	28/12/2023	Phí dịch vụ tên miền của google	64227	-	1,000,000
269	NMND/2312/0043	29/12/2023	2290	29/12/2023	Tiền thuế đầu vào	1331	-	354,546
270	NMND/2312/0043	29/12/2023	2290	29/12/2023	Tiền mua hàng	156	-	3,545,455
271	PC/2312/0019	29/12/2023			Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	1111	3,900,001	-
272	PC/2312/0017	30/12/2023			Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	1111	19,600,000	-
273	PKT/2403/0012	31/12/2023		31/12/2023	Nguyễn Thanh Tâm chi hộ phí GOOGLE	3388	13,000,000	-
274					TỔNG PHÁT SINH		3,272,216,300	3,978,750,800
275					CUỐI KỲ		679,692,982	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giám đốc

Phụ lục 8: Sổ cái 156:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 156 - Hàng hóa

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐ U	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		12,511,390,524	-
2	NMND/2401/0002	01/10/2023	428895	06/11/2021	Tiền mua hàng	331	14,100,000	-
3	NMND/2401/0003	01/10/2023	380996	14/10/2021	Tiền mua hàng	331	112,800,000	-
4	NMND/2401/0004	01/10/2023	369027	08/10/2021	Tiền mua hàng	331	6,709,091	-
5	NMND/2401/0005	01/10/2023	324943	25/06/2021	Tiền mua hàng	331	141,000,000	-
6	NMND/2401/0006	01/10/2023	249719	27/04/2021	Tiền mua hàng	331	209,005,000	-
7	NMND/2312/0001	03/10/2023	743	03/10/2023	Tiền mua hàng	331	450,000	-
8	NMND/2312/0002	03/10/2023	744	03/10/2023	Tiền mua hàng	331	490,000	-
9	NMND/2312/0003	05/10/2023	1795	05/10/2023	Tiền mua hàng	331	3,000,000	-
10	NMND/2312/0004	06/10/2023	3288	06/10/2023	Tiền mua hàng	331	3,227,273	-
11	NMND/2312/0005	07/10/2023	1862	07/10/2023	Tiền mua hàng	331	2,250,000	-
12	NMND/2312/0006	09/10/2023	385324	09/10/2023	Tiền mua hàng	331	24,750,000	-
13	NMND/2312/0007	10/10/2023	1193	10/10/2023	Tiền mua hàng	331	24,300,000	-
14	NMND/2312/0008	13/10/2023	173	13/10/2023	Tiền mua hàng	331	125,000	-
15	NMND/2312/0009	18/10/2023	802	18/10/2023	Tiền mua hàng	331	2,760,000	-
16	NMND/2312/0010	18/10/2023	803	18/10/2023	Tiền mua hàng	331	550,000	-
17	NMND/2312/0011	19/10/2023	1880	19/10/2023	Tiền mua hàng	331	190,181,818	-
18	NMND/2312/0012	23/10/2023	413552	23/10/2023	Tiền mua hàng	331	22,885,000	-
19	NMND/2312/0013	24/10/2023	414002	24/10/2023	Tiền mua hàng	331	207,950,000	-
20	NMND/2312/0014	24/10/2023	816	24/10/2023	Tiền mua hàng	331	2,100,000	-
21	NMND/2312/0015	26/10/2023	820	26/10/2023	Tiền mua hàng	331	1,450,000	-
22	NMND/2312/0016	27/10/2023	420576	27/10/2023	Tiền mua hàng	331	14,940,000	-
23	NMND/2312/0017	27/10/2023	825	27/10/2023	Tiền mua hàng	331	560,000	-
24	PKTTD/2310/0001	31/10/2023			K/c giá vốn hàng bán	6321	-	746,869,464
25	NMND/2312/0018	31/10/2023	50295	31/10/2023	Tiền mua hàng	331	4,909,091	-

26	NMND/2312/0019	31/10/2023	833	31/10/2023	Tiền mua hàng	331	490,000	-
27	NMND/2312/0022	31/10/2023	62	13/11/2023	Tiền mua hàng	331	15,200,000	-
28	NMND/2312/0020	07/11/2023	1979	07/11/2023	Tiền mua hàng	331	2,090,909	-
29	NMND/2312/0021	07/11/2023	900	07/11/2023	Tiền mua hàng	331	273,130,000	-
30	NMND/2312/0023	16/11/2023	2032	16/11/2023	Tiền mua hàng	331	172,672,726	-
31	NMND/2312/0024	18/11/2023	2157	18/11/2023	Tiền mua hàng	331	7,500,000	-
32	NMND/2312/0025	20/11/2023	1063	20/11/2023	Tiền mua hàng	331	18,590,000	-
33	NMND/2312/0026	23/11/2023	908	23/11/2023	Tiền mua hàng	331	980,000	-
34	NMND/2312/0027	24/11/2023	118	24/11/2023	Tiền mua hàng	331	600,000,000	-
49	PBHTK/2401/0005	15/12/2023	5047	15/12/2023	Phí nhập hàng TKHQ 105959616230	331	4,403,930	-
50	PBHTK/2401/0006	15/12/2023	225	15/12/2023	Phí vận chuyển hàng hóa TKHQ 105959616230	331	2,000,000	-
51	NMND/2312/0035	16/12/2023	2384	16/12/2023	Tiền mua hàng	331	3,900,000	-
52	NMND/2312/0036	18/12/2023	1196	18/12/2023	Tiền mua hàng	331	1,610,000	-
53	NMND/2312/0037	18/12/2023	520596	18/12/2023	Tiền mua hàng	331	24,750,000	-
54	NMND/2312/0038	19/12/2023	2223	19/12/2023	Tiền mua hàng	331	3,545,455	-
55	NMND/2312/0039	20/12/2023	331163	20/12/2023	Tiền mua hàng	331	396,000,000	-
56	NMND/2312/0040	22/12/2023	3521	22/12/2023	Tiền mua hàng	331	2,400,000	-
57	NMND/2401/0001	22/12/2023	1059700 03310	22/12/2023	Tiền mua hàng	331	52,735,200	-
58	NMND/2312/0041	27/12/2023	533965	27/12/2023	Tiền mua hàng	331	7,327,273	-
59	NMND/2312/0042	27/12/2023	534889	27/12/2023	Tiền mua hàng	331	12,545,455	-
60	NMND/2312/0043	29/12/2023	2290	29/12/2023	Tiền mua hàng	331	3,545,455	-
61	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c giá vốn hàng bán	6321	-	1,522,289,250
62					TỔNG PHÁT SINH		3,618,505,827	3,049,511,164
63					CUỐI KỲ		13,080,385,187	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 9: Sổ cái 111:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 111 - Tiền mặt

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
1				ĐẦU KỲ		636,534,565	-
2	PC/2310/0010	01/10/2023	01/10/2023	Chi tiền - Phí điện văn phòng	331	-	1,828,402
3	PC/2310/0003	02/10/2023	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	46,218
4	PC/2310/0004	02/10/2023	02/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	123,945
5	PT/2403/0019	02/10/2023	02/10/2023	Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 275+280	131	19,250,000	-
6	PC/2310/0011	03/10/2023	03/10/2023	Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	331	-	495,000
7	PC/2310/0012	03/10/2023	03/10/2023	Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	331	-	529,200
8	PT/2310/0001	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	1,570,000	-
9	PT/2310/0002	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	2,700,000	-
10	PT/2310/0003	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	18,800,000	-
11	PT/2310/0004	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	3,320,000	-
12	PT/2310/0067	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	810,000	-
13	PT/2310/0068	03/10/2023	03/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	1,155,000	-
14	PC/2310/0020	04/10/2023	04/10/2023	Chi tiền - Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	331	-	2,398,000
15	PT/2310/0005	04/10/2023	04/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	3,300,000	-
16	PT/2310/0006	04/10/2023	04/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	3,800,000	-
17	PT/2310/0007	04/10/2023	04/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	19,040,000	-
18	PT/2310/0077	04/10/2023	04/10/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	1,512,000	-
19	PT/2403/0020	04/10/2023	04/10/2023	Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 331+347+385	131	16,692,500	-
20	GBC/2401/0001	05/10/2023	05/10/2023	Nộp tiền mặt	112 1	-	385,000,000
21	GBC/2401/0047	05/10/2023	05/10/2023	Nộp tiền mặt	112 1	-	90,000,000
22	PC/2310/0006	05/10/2023	05/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	117,941

23	PC/2310/0007	05/10/2023	05/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	91,196
24	PC/2310/0008	05/10/2023	05/10/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	56,023
25	PC/2310/0022	05/10/2023	05/10/2023	Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	331	-	3,300,000
.....		
324	PT/2312/0049	22/12/2023	22/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	7,830,000	-
325	PC/2312/0005	23/12/2023	23/12/2023	Chi tiền - Cước viễn thông	331	-	124,091
326	PT/2312/0050	23/12/2023	23/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	11,880,000	-
327	PT/2312/0051	23/12/2023	23/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	11,880,000	-
328	PT/2312/0052	23/12/2023	23/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	648,000	-
329	PT/2312/0053	25/12/2023	25/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	2,250,000	-
330	PT/2312/0054	25/12/2023	25/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	700,000	-
331	PT/2403/0030	25/12/2023	25/12/2023	Thu tiền hàng CÔNG TY POSTECH hóa đơn 730+810	131	18,280,000	-
332	PT/2312/0055	26/12/2023	26/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	1,500,000	-
333	PT/2312/0056	26/12/2023	26/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	17,490,000	-
334	PT/2312/0057	27/12/2023	27/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	1,090,000	-
335	PT/2312/0060	27/12/2023	27/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	19,650,000	-
336	PT/2312/0066	27/12/2023	27/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	8,600,000	-
337	PT/2312/0073	27/12/2023	27/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	15,840,000	-
338	PT/2312/0070	28/12/2023	28/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	4,920,000	-
339	PT/2312/0072	28/12/2023	28/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	16,800,000	-
340	PT/2312/0074	28/12/2023	28/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	7,920,000	-
341	PC/2312/0019	29/12/2023	29/12/2023	Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	331	-	3,900,001
342	PT/2312/0061	29/12/2023	29/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	16,500,000	-
343	PT/2312/0068	29/12/2023	29/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	7,650,500	-
344	PT/2312/0071	29/12/2023	29/12/2023	Thu tiền - Xuất bán hàng hóa	131	3,680,000	-
345	PC/2312/0017	30/12/2023	30/12/2023	Chi tiền - Nhập mua hàng hóa	331	-	19,600,000
346	PC/2401/0003	31/12/2023	31/12/2023	Thanh toán lương tháng 12/2023	334	-	47,558,300
347	PC/2403/0001	31/12/2023	31/12/2023	Nộp thuế TNDN	333 4	-	335,766
348				TỔNG PHÁT SINH		2,371,892,517	2,757,485,662
349				CUỐI KỲ		250,941,420	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 10: Sổ cái 112:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		61,892,890	-
2	GBC/2401/0001	05/10/2023		05/10/2023	Nộp tiền mặt	1111	385,000,000	-
3	GBC/2401/0019	05/10/2023		05/10/2023	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SỐ SÁNG NGHIỆP thanh toán tiền hàng hóa đơn 804	131	4,600,000	-
4	GBC/2401/0038	05/10/2023		05/10/2023	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KEKO VIỆT NAM thanh toán tiền hàng hóa đơn 803	131	11,748,000	-
5	GBC/2401/0047	05/10/2023		05/10/2023	Nộp tiền mặt	1111	90,000,000	-
6	UNC/2401/0018	05/10/2023		05/10/2023	Chuyển khoản nội bộ từ ACB qua SCB	1121	100,000,000	100,000,000
7	UNC/2401/0026	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	4,279,462
8	UNC/2401/0027	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	4,854,314
9	UNC/2401/0028	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán gốc vay LD2309500696	3411	-	460,768,000
10	UNC/2401/0029	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	5,120,037
11	UNC/2401/0030	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	2,798,180
12	UNC/2401/0031	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	2,203,236
13	UNC/2401/0032	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	5,878,953
14	UNC/2401/0033	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	2,127,099
15	UNC/2401/0034	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán lãi vay	635	-	603,091
16	UNC/2401/0082	05/10/2023		05/10/2023	Nộp BHXH	3383	-	32,844,571
17	UNC/2401/0083	05/10/2023		05/10/2023	Thanh toán tiền cho CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ POSAPP hóa đơn 3069	331	-	14,290,000
18	UNC/2401/0002	07/10/2023	445372	07/10/2023	Phí ngân hàng	1331	-	5,000
19	UNC/2401/0002	07/10/2023	445372	07/10/2023	Phí ngân hàng	64227	-	50,000

20	UNC/2401/0003	07/10/2023	63695319	07/10/2023	Phí ngân hàng	1331	-	1,818
21	UNC/2401/0003	07/10/2023	63695319	07/10/2023	Phí ngân hàng	64227	-	18,182
22	GBC/2401/0039	10/10/2023		10/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN POSTECH thanh toán tiền hàng hóa đơn 774	131	63,680,000	-
23	GBC/2401/0018	17/10/2023		17/10/2023	CÔNG TY TNHH FUZITAVN thanh toán tiền hàng hóa đơn 844	131	900,000	-
....	
204	GBC/2401/0067	29/12/2023		29/12/2023	CÔNG TY TIN THỐNG thanh toán tiền hàng hóa đơn 1067	131	35,250,000	-
205	GBC/2401/0068	29/12/2023		29/12/2023	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI THIẾT BỊ Y TẾ MOSNEURO thanh toán tiền hàng	131	3,590,000	-
206	GBC/2401/0069	29/12/2023		29/12/2023	CÔNG TY TNHH HTCORPVIETNAM thanh toán tiền hàng	131	220,200,000	-
207	GBC/2401/0070	29/12/2023		29/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN POSTECH thanh toán tiền hàng hóa đơn 502 lần 6	131	35,000,000	-
208	GBC/2401/0071	29/12/2023		29/12/2023	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ XPOS thanh toán tiền hàng 1078+1097+1111	131	40,350,000	-
209	GBC/2401/0064	30/12/2023		30/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ POSAPP thanh toán tiền hàng hóa đơn 1113+1125	131	28,140,000	-
210	GBC/2401/0065	30/12/2023		30/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DOANH NGHIỆP SDS VIỆT NAM thanh toán tiền hàng	131	7,040,000	-
211	GBC/2401/0066	30/12/2023		30/12/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ STARON thanh toán tiền hàng	131	7,040,000	-
212	UNC/2401/0091	30/12/2023		30/12/2023	Nộp BHXH	3383	-	35,506,737
213	UNC/2401/0091	30/12/2023		30/12/2023	Chậm nộp BHXH	811	-	1,247,511
214	GBC/2401/0010	31/12/2023		31/12/2023	Lãi nhập vốn	515	551	-
215	GBC/2401/0022	31/12/2023		31/12/2023	Lãi nhập vốn	515	11,347	-
216					TỔNG PHÁT SINH		4,852,953,275	3,996,517,878
217					CUỐI KỲ		918,328,287	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 11: Sổ cái 511:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		-	-
2	XBND/2312/0001	02/10/2023	792	02/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	12,518,182
3	XBND/2312/0002	03/10/2023	793	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	750,000
4	XBND/2312/0003	03/10/2023	794	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	1,050,000
5	XBND/2312/0004	03/10/2023	795	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	1,427,273
6	XBND/2312/0005	03/10/2023	796	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	2,454,545
7	XBND/2312/0006	03/10/2023	797	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	17,090,909
8	XBND/2312/0007	03/10/2023	798	03/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,018,182
9	XBND/2312/0008	04/10/2023	799	04/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	1,400,000
10	XBND/2312/0009	04/10/2023	800	04/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,000,000
11	XBND/2312/0010	04/10/2023	801	04/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,454,545
12	XBND/2312/0011	04/10/2023	802	04/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	17,309,091
13	XBND/2312/0012	05/10/2023	803	05/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	10,680,000
14	XBND/2312/0013	05/10/2023	804	05/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	4,181,818
15	XBND/2312/0014	05/10/2023	805	05/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	16,963,637
16	XBND/2312/0015	05/10/2023	806	05/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	13,527,273
17	XBND/2312/0016	05/10/2023	807	05/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	6,536,364
18	XBND/2312/0017	06/10/2023	808	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	16,727,273
19	XBND/2312/0018	06/10/2023	809	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	7,909,091
20	XBND/2312/0019	06/10/2023	810	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	15,163,636
21	XBND/2312/0020	06/10/2023	811	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	15,490,909
22	XBND/2312/0021	06/10/2023	812	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	23,113,637
23	XBND/2312/0022	06/10/2023	813	06/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,727,273
24	XBND/2312/0023	07/10/2023	814	07/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	10,036,364

25	XBND/2312/0024	07/10/2023	815	07/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	16,500,000
26	XBND/2312/0025	07/10/2023	816	07/10/2023	Tiền bán hàng	131	-	24,600,001
.....	
347	XBND/2312/0431	27/12/2023	1136	27/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,500,000
348	XBND/2312/0432	27/12/2023	1137	27/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	14,400,000
349	XBND/2312/0434	27/12/2023	1138	27/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	17,863,636
350	XBND/2312/0435	27/12/2023	1139	27/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	990,909
351	XBND/2312/0436	27/12/2023	1140	27/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	32,727,273
352	XBND/2312/0437	28/12/2023	1141	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	12,727,273
353	XBND/2312/0438	28/12/2023	1142	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,545,455
354	XBND/2312/0439	28/12/2023	1143	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	2,500,000
355	XBND/2312/0440	28/12/2023	1144	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	7,200,000
356	XBND/2312/0441	28/12/2023	1145	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	4,472,727
357	XBND/2312/0442	28/12/2023	1146	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	231,654,545
358	XBND/2312/0448	28/12/2023	1147	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	76,800,000
359	XBND/2312/0449	28/12/2023	1148	28/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	15,272,727
360	XBND/2312/0450	29/12/2023	1149	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,345,455
361	XBND/2312/0451	29/12/2023	1150	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	31,818,182
362	XBND/2312/0452	29/12/2023	1151	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	8,345,455
363	XBND/2312/0453	29/12/2023	1152	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,818,182
364	XBND/2312/0454	29/12/2023	1153	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	3,263,636
365	XBND/2312/0455	29/12/2023	1154	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	6,955,000
366	XBND/2312/0456	29/12/2023	1155	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	66,363,636
367	XBND/2312/0457	29/12/2023	1156	29/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	15,000,000
368	XBND/2312/0458	30/12/2023	1157	30/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	6,400,000
369	XBND/2312/0459	30/12/2023	1158	30/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	33,181,818
370	XBND/2312/0460	30/12/2023	1159	30/12/2023	Tiền bán hàng	131	-	6,400,000
371	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c doanh thu bán hàng	911	2,087,543,634	-
372					TỔNG PHÁT SINH		3,762,056,005	3,762,056,005
373					CUỐI KỲ		-	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 12: Sổ cái 632:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

Địa chỉ: 105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0310299559

SỔ CÁI

Mã hiệu: 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 1/10/2023 đến ngày 31/12/2023

Stt	Số chứng từ	Ngày C.Từ	Số HĐ	Ngày HĐ	Diễn giải nội dung	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
1					ĐẦU KỲ		-	0
2	PKTTD/2310/0001	31/10/2023			K/c giá vốn hàng bán	156	746,869,464	-
3	PKTTD/2310/0001	31/10/2023			K/c giá vốn bán hàng	911	-	746,869,464
4	PKTTD/2311/0001	30/11/2023			K/c giá vốn hàng bán	156	780,352,449	-
5	PKTTD/2311/0001	30/11/2023			K/c giá vốn bán hàng	911	-	780,352,449
6	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c giá vốn hàng bán	156	1,522,289,250	-
7	PKTTD/2312/0001	31/12/2023			K/c giá vốn bán hàng	911	-	1,522,289,250
8					TỔNG PHÁT SINH		3,049,511,164	3,049,511,164
9					CUỐI KỲ		0	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phụ lục 13: Sổ chi tiết 1331:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/10/2023 đến ngày: 31/12/2023

Số tài khoản: 1331 Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Stt	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh		Bộ phận/ Phòng ban	Tên đối tượng
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Số dư đầu kỳ:					247,197,335	-		
1	NMND/2401/0002	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	1,410,000	-		Máy POS V1S - W5920
2	NMND/2401/0003	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	11,280,000	-		Máy POS V1S - W5920
3	NMND/2401/0004	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	381,818	-		Mô đun máy in của máy Sunmi V1s
4	NMND/2401/0004	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	289,091	-		Vỏ trước và màn hình máy Sunmi V1s
5	NMND/2401/0005	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	14,100,000	-		Máy POS V1S - W5920
6	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	14,100,000	-		Máy POS V1S - W5920
7	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	6,800,000	-		Máy POS V2 - T5930
8	NMND/2401/0006	01/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	500	-		Con lăn máy in V1s-V2
9	PKT/2401/0011	02/10/2023	Cước viễn thông	331	4,202	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
10	PKT/2401/0012	02/10/2023	Cước viễn thông	331	11,268	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
11	NMND/2312/0001	03/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	45,000	-		Ruy băng mực Wax Resin (110mm x 300m)
12	NMND/2312/0002	03/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	39,200	-		Decal 50*70
13	PKT/2401/0001	04/10/2023	Cước dịch vụ bưu chính tháng 9/2023	331	177,629	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
14	NMND/2312/0003	05/10/2023	Nhập mua hàng hóa	331	300,000	-		Màn hình LCD cảm ứng DT-M17
17	PKT/2401/0010	05/10/2023	Cước viễn thông	331	5,093	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
18	NMND/2312/0004	06/10/2023	Nhập mua hàng	331	322,727	-		Máy POS V2 -

			hóa			-		T5930
....	
116	UNC/2401/0015	19/12/2023	Phí ngân hàng	1121	17,424	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
117	UNC/2401/0075	19/12/2023	Phí ngân hàng	1121	4,240	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
118	PKT/2401/0024	19/12/2023	Phí dịch vụ	331	2,889	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
119	NMND/2312/0039	20/12/2023	Nhập mua hàng hóa	331	39,600,000	-		Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)
120	UNC/2401/0076	21/12/2023	Phí ngân hàng	1121	700	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
121	NMND/2312/0040	22/12/2023	Nhập mua hàng hóa	331	192,000	-		Máy chấm công bằng dấu vân tay X628C
122	NMNC/2401/0001	22/12/2023	Nhập mua hàng hóa TKHQ 105970003310 (001/2023/BB-AE; 2.190usd*24.080)	33312	5,273,520	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
123	PKT/2401/0023	23/12/2023	Cước viễn thông	331	11,281	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
124	UNC/2401/0077	25/12/2023	Phí ngân hàng	1121	2,000	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
125	NMND/2312/0041	27/12/2023	Nhập mua hàng hóa	331	732,727	-		Máy POS V2s-T5940 (2+16GB Android 11, Standard version)
126	NMND/2312/0042	27/12/2023	Nhập mua hàng hóa	331	1,254,545	-		Máy POS T2-L1523
127	UNC/2401/0016	27/12/2023	Phí ngân hàng	1121	10,000	-		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
128	NMND/2312/0043	29/12/2023	Nhập mua hàng hóa	331	354,546	-		Ngân kéo đựng tiền JJ335R
129	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c thuế GTGT theo quý	33311	-	374,721,011		
Tổng phát sinh:						368,534,216	377,765,556	
Số dư cuối kỳ:						237,965,995	-	

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 14: Sổ chi tiết 33311:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIG BUY

105 Nguyễn Thái Bình - Phường 4 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày: 01/10/2023 đến ngày: 31/12/2023

Số tài khoản: 33311 Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu ra

Stt	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh		Bộ phận/ Phòng ban	Tên đối tượng
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Số dư đầu kỳ:					79,375	-		
1	XBND/2312/0001	02/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,251,818		Phụ kiện của máy in hóa đơn 350B (Thanh nhiệt cho máy in 350B)
2	XBND/2312/0002	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	60,000		Decal 50*70
3	XBND/2312/0003	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	105,000		Ruy băng mực Wax Resin (110mm x 300m)
4	XBND/2312/0004	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	142,727		Máy in hóa đơn Model: R200E
5	XBND/2312/0005	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	245,455		Máy POS V1s
6	XBND/2312/0006	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,145,455		Máy in mã vạch Model: XP-350B
7	XBND/2312/0006	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	563,636		Máy in hóa đơn XP-T80U
8	XBND/2312/0007	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	163,636		Máy in hóa đơn Model: Q200EU
9	XBND/2312/0007	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	108,182		Máy đọc mã vạch Model: DT - 8500, hiệu Richta
10	XBND/2312/0007	03/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	30,000		Máy in hóa đơn Model: RI - 58A, hiệu Richta
11	XBND/2312/0008	04/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	112,000		Giấy in nhiệt K80
12	XBND/2312/0009	04/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	300,000		Máy POS V1S - W5920
13	XBND/2312/0010	04/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	345,455		Máy POS V2 - T5930
14	XBND/2312/0011	04/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,112,727		Máy in mã vạch Model: XP-350B
15	XBND/2312/0011	04/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	618,182		Máy in hóa đơn Model: R200U
16	XBND/2312/0012	05/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,068,000		Máy POS V2 Pro (2+16Gb, NFC, With Scanner)

18	XBND/2312/0014	05/10/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	954,546	Máy in hóa đơn Model: 350B, hiệu Richta	
.....		
489	XBND/2312/0442	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	3,185,455	Máy in hóa đơn Model: R200E	
490	XBND/2312/0442	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	2,225,454	Máy in hóa đơn Model: R200U	
491	XBND/2312/0442	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	818,182	Phụ kiện của máy in mã vạch (Thanh nhiệt, đầu in cho máy 350B printer head slip), hiệu RICHTA	
492	XBND/2312/0442	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	545,455	Phụ kiện của máy in mã vạch (Thanh nhiệt, đầu in cho máy 80mm printer head slip)	
493	XBND/2312/0448	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	7,680,000	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
494	XBND/2312/0449	28/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,527,273	Máy in hóa đơn XP-T80L	
495	XBND/2312/0450	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	334,545	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
496	XBND/2312/0451	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	3,181,818	Máy in hóa đơn XP-T80L	
497	XBND/2312/0452	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	834,545	Máy in hóa đơn Model: R200E	
498	XBND/2312/0453	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	381,818	Ngân kéo đựng tiền JJ335R	
499	XBND/2312/0454	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	326,364	Máy POS V1S - W5920	
500	XBND/2312/0455	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	695,500	Thiết bị kiểm kho (Cipherlab CPT 8000L)	
501	XBND/2312/0456	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	6,636,364	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
502	XBND/2312/0457	29/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	1,500,000	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
503	XBND/2312/0458	30/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	640,000	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
504	XBND/2312/0459	30/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	3,318,182	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
505	XBND/2312/0460	30/12/2023	Xuất bán hàng hóa	131	-	640,000	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	
506	PKTTD/2312/0001	31/12/2023	K/c thuế GTGT theo quý	1331	374,721,011	-		
Tổng phát sinh:						374,721,011	374,721,011	
Số dư cuối kỳ:						79,375	-	

Người lập sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 17: Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 1155

Phẫu xuất - Bán lẻ - BBS SYSTEM BBS_02_AMCOTM_GROUP1-V7.01.1.1

Phẫu xuất - Bán lẻ

Xuất từ kho: Xuất từ kho - Xuất từ kho - Xuất từ kho - Xuất từ kho

Ngày chứng từ: 28/12/2023

Loại chứng từ: KH0/2012/1456

Loại bán hàng hóa: KH0-CTY

Mã khách hàng: 0316781134

Số hóa đơn: 1C23TBB

Loại hóa đơn: 4

Ngày hóa đơn: 29/12/2023

Địa chỉ bán hàng hóa: 629C Ba Đình, Phường 9, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh

Mã hàng (*)	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị (*)	Kho (*)	Tên nhà bán lẻ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%CK	Tiền UK	Thuế VAT	Tiền VAT	Tổng tiền thanh toán	Đã số
1	POS_V2 T30303+16GB	Máy POS V2 - T5030 (2+16GB)	Cái	KHO-CTY	107	20	3.318.181,81	66.363.636,00	0,00	6,00	10,00	6.636.364,00	73.000.000,00	

1,00 20,00 66.363.636,00 0,00 6.636.364,00 73.000.000,00

Search item (Alt+F)

Phẫu xuất - Bán lẻ | Record 1/1 | Page 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
 Mã số thuế (Tax code): 0310299559
 Địa chỉ (Address): 179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại (Tel): 02862518668 Fax:
 Website: www.bigbuy.vn Email: info@bigbuy.vn
 Số tài khoản (Account No.): 87596299 Tại Ngân hàng ACB - PGD Hoàng Việt

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
 (Electronic invoice display)

Ngày (date) 29 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): **1C23TBB**

Số (Invoice No): **1155**

Họ tên người mua hàng (Attention):
 Tên công ty (Company): CÔNG TY TNHH HTCORPVIETNAM
 Địa chỉ (Address): 629C Ba Đình, Phường 9, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Mã số thuế (Tax code): 0316781134 Phương thức thanh toán (Payment method): TM/CK
 Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Máy POS V2 - T5030 (2+16GB)	Cái	20	3.318.181,81	66.363.636
Cộng tiền hàng (Sub total):					66.363.636
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.636.364
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):					73.000.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu đồng

Người mua hàng (Client)

Người bán hàng (Seller)
 Signature valid
 Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
 Ký ngày 29/12/2023

Phụ lục 18: Giao diện hạch toán và hóa đơn GTGT 1124

Phiếu xuất - Đơn NĐ - BROS SYSTEM BROS_002_AMC004A_GROUP v1701.1.1

Quản lý tài khoản để chi ra ngoại | DS Phiếu Nhập - Mua | DS Phiếu xuất kho - Bán | **Phiếu xuất - Đơn NĐ**

Loại phiếu (AB+T) | Tài trợ (AB+H) | Đơn lẻ (AB+L) | Tiền ch (AB+T)

Số chứng từ (*) | XH00/2481/0001 | Ngày chứng từ (*) | 25/12/2023 | Trung tâm | Số ghi NĐ

Loại xuất kho (*) | Xuất bán hàng hóa

Xuất bán hàng hóa (*) | KHO-CTY | Phương thức thanh toán | Địa điểm (*) | OFFICE

Mã khách hàng (*) | 2801812751 | MST | 2801812751 | Tên xuất hóa đơn | CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ LAM SƠN

Địa chỉ xuất hóa đơn

Đã xuất hóa đơn

Số hóa đơn | 1023TBB | Số hóa đơn | 11,29 | Ngày hóa đơn | 25/12/2023

Loại hóa đơn | 4 | Địa chỉ hóa đơn | Xuất bán hàng hóa

Mã hàng (*)	Tên hàng hóa	Đơn vị tính (*)	Kho (*)	Tên kho hiện tại	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NCK	Tiền ch.	Ước VAT	Tiền VAT	Tổng tiền thanh toán	Số ĐD	
POC_V2T5930Z+16GB	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	Cái	KHO-CTY		271	10,00	3.345.454,54	33.454.545,00	0,00	0,00	16,00	3.345.455,00	36.800.000,00	

LƯU | 16,00 | 33.454.54... | ,00 | 3.345.45... | 36.800.000,00

Search Item (Alt+F)

[Phiếu xuất - Đơn NĐ] Record 1/1 | Page 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
 Mã số thuế (Tax code): 0310299559
 Địa chỉ (Address): 179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Điện thoại (Tel): 02862518668
 Website: www.bigbuy.vn
 Số tài khoản (Account No.): 87596299

Fax:
 Email: info@bigbuy.vn
 Tại Ngân hàng ACB - PGD Hoàng Việt

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu (Serial): **1C23TBB**
(VAT INVOICE) Số (Invoice No): **1124**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Họ tên người mua hàng (Attention):
 Tên công ty (Company): **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ LAM SƠN**
 Địa chỉ (Address): **Lô 31 LK 18 Khu Đô Thị Mới Đông Sơn, Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
 Mã số thuế (Tax code): 2801812751 Phương thức thanh toán (Payment method): **TM/CK**

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Máy POS V2 - T5930 (2+16GB)	Cái	10	3.345.454,54	33.454.545
Cộng tiền hàng (Sub total):					33.454.545
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%				Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.345.455	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount):					36.800.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng**

Người mua hàng (Client)

Người bán hàng (Seller)
 Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN BIGBUY
 Ký ngày 25/12/2023

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Tường Vũ (2005), Thư viện pháp luật Bút toán kết chuyên thuế GTGT và lưu ý, NXB 17 Nguyễn Gia Thiều, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM.
2. Công ty Kế toán Thiên Hưng, Link:<https://ketoanthienung.net/ca-ch-ha-ch-toa-n-thue-gia-tri-gia-tang-duo-c-kha-u-tru-tk-133.htm>, ngày cập nhật: 05/07/2024.
3. Công ty TNHH phát triển công nghệ Thái Sơn, Hướng dẫn kế toán thuế GTGT đầu ra, NXB Số 15, Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
4. Công ty Cổ phần Bigbuy (2010), bigbuy.vn, NXB 179 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM
5. Nguyễn Hồng Sâm (2006), Công thông tin điện tử chính phủ, NXB 16 Lê Hồng Phong - Ba Đình - Hà Nội.